

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ VÀ NGOẠI GIAO



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG HỌC

Hà Nội, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
2. MỤC TIÊU	1
2.1. Mục tiêu chung	1
2.2. Mục tiêu cụ thể	1
3. CHUẨN ĐẦU RA	2
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP	5
5. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH	5
6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	5
6.1. Thời gian đào tạo.....	5
6.2. Điều kiện tốt nghiệp	5
7. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ.....	6
8. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.....	7
8.1. Phương pháp giảng dạy	7
8.2. Phương pháp đánh giá	8
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	9
9.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương.....	9
9.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	9
9.3. Kiến thức ngoại ngữ.....	12
9.4. Học phần kỹ năng	13
9.5. Kiến thức hướng nghiệp.....	14
9.6. Kiến thức tốt nghiệp	14
10. MA TRẬN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA MỖI HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA	15
11. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN.....	20
12. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ.....	21
13. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU	23
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.....	24
15. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN.....	25
15.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN	25
15.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN	26
15.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	26
15.4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	27
15.5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	27
15.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	28
15.7. TIN HỌC.....	28
15.8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT	28
15.9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG.....	29
15.10. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI	29

15.11. CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG	29
15.12. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI.....	30
15.13. LÝ LUẬN QUAN HỆ QUỐC TẾ	30
15.14. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU QUAN HỆ QUỐC TẾ.....	30
15.15. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY	31
15.16. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO.....	31
15.17. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ.....	32
15.18. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ.....	32
15.19. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ	33
15.20. NHẬP MÔN CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG HỌC VÀ KHU VỰC HỌC ...	33
15.21. QUAN HỆ QUỐC TẾ TẠI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	34
15.22. AN NINH CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	34
15.23. ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC	34
15.24. LỊCH SỬ TRUNG QUỐC	35
15.25. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC	35
15.26. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TÔN GIÁO TRUNG QUỐC	36
15.27. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC	36
15.28. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA TRUNG QUỐC TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC	37
15.29. KINH TẾ TRUNG QUỐC	38
15.30. VĂN HOÁ XÃ HỘI TRUNG QUỐC.....	38
15.31. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP TRUNG QUỐC	39
15.32. TRUYỀN THÔNG TRUNG QUỐC	39
15.33. ĐẤT NƯỚC HỌC HÀN QUỐC	40
15.34. LỊCH SỬ HÀN QUỐC	40
15.35. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HÀN QUỐC	41
15.36. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TÔN GIÁO HÀN QUỐC	41
15.37. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI HÀN QUỐC	42
15.38. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA HÀN QUỐC TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC	42
15.39. KINH TẾ HÀN QUỐC	43
15.40. VĂN HOÁ XÃ HỘI HÀN QUỐC	43
15.41. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC	44
15.42. TRUYỀN THÔNG HÀN QUỐC	44
15.43. ĐẤT NƯỚC HỌC NHẬT BẢN	45
15.44. LỊCH SỬ NHẬT BẢN	45
15.45. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN.....	46
15.46. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TÔN GIÁO NHẬT BẢN	47
15.47. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI NHẬT BẢN	47

15.48. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN	48
15.49. KINH TẾ NHẬT BẢN.....	48
15.50. VĂN HOÁ XÃ HỘI NHẬT BẢN	49
15.51. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN	49
15.52. TRUYỀN THÔNG NHẬT BẢN.....	50
15.53. ĐẤT NƯỚC HỌC HOA KỲ	51
15.54. LỊCH SỬ HOA KỲ	51
15.55. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HOA KỲ	52
15.56. TÔN GIÁO HOA KỲ	52
15.57. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI HOA KỲ	53
15.58. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA HOA KỲ TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ.....	54
15.59. KINH TẾ HOA KỲ	54
15.60. VĂN HOÁ XÃ HỘI HOA KỲ.....	55
15.61. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP HOA KỲ	56
15.62. TRUYỀN THÔNG HOA KỲ	56
15.63. TIẾNG TRUNG CƠ SỞ I	57
15.64. TIẾNG TRUNG CƠ SỞ II.....	57
15.65. TIẾNG TRUNG CƠ SỞ III	58
15.66. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO I.....	58
15.67. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO II	59
15.68. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO III	59
15.69. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO IV.....	60
15.70. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO V	60
15.71. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO VI.....	61
15.72. TIẾNG NHẬT CƠ SỞ I	61
15.73. TIẾNG NHẬT CƠ SỞ II.....	61
15.74. TIẾNG NHẬT CƠ SỞ III	62
15.75. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO I.....	62
15.76. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO II	63
15.77. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO III	63
15.78. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO IV	64
15.79. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO V	64
15.80. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO VI.....	65
15.81. TIẾNG HÀN CƠ SỞ I	65
15.82. TIẾNG HÀN CƠ SỞ II.....	66
15.83. TIẾNG HÀN CƠ SỞ III	66
15.84. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO I.....	67

15.85. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO II.....	67
15.86. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO III	68
15.87. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO IV	68
15.88. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO V	69
15.89. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO VI	69
15.90. TIẾNG ANH CƠ SỞ I	70
15.91. TIẾNG ANH CƠ SỞ II.....	70
15.92. TIẾNG ANH CƠ SỞ III.....	71
15.93. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO I.....	71
15.94. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO II.....	71
15.95. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO III	72
15.96. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO IV	72
15.97. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO V	73
15.98. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO VI	73
15.99. ĐÀM PHÁN QUỐC TẾ	74
15.100. KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN	75
15.101. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH.....	75
15.102. KỸ NĂNG PHÂN TÍCH SỰ KIỆN.....	75
15.103. KỸ NĂNG GIAO TIẾP LIÊN VĂN HOÁ	76
15.104. KỸ NĂNG QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	76
15.105. KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP	76

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG HỌC
(Ban hành theo Quyết định số 1094/QĐ-HVNG ngày 22 tháng 11 năm 2021
của Giám đốc Học viện Ngoại giao)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Ngành đào tạo	: CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG HỌC
Mã ngành	:
Cơ sở đào tạo và cấp bằng	: Học viện Ngoại giao
Đơn vị tổ chức giảng dạy	: Khoa Chính trị quốc tế & Ngoại Giao
Tên văn bằng	: Bằng cử nhân ngành Châu Á - Thái Bình Dương học
Trình độ đào tạo	: Đại học
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Thời gian đào tạo	: 04 năm
Số lượng học phần	: 46
Số lượng tín chỉ	: 121 tín chỉ
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt

2. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân ngành Châu Á - Thái Bình Dương học (CA-TBDH) nhằm đào tạo cử nhân CA-TBDH có kiến thức hệ thống, toàn diện, chuyên sâu và liên ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn về khu vực Châu Á - Thái Bình Dương theo bốn chuyên ngành Hoa Kỳ học, Trung Quốc học, Hàn Quốc học và Nhật Bản học; có khả năng làm việc độc lập, hiệu quả, sáng tạo ở các vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế thuộc chuyên môn và ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh/Trung/Hàn/Nhật) được đào tạo; có năng lực tự học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kỷ luật, có trách nhiệm xã hội cao.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo ngành CA-TBDH được xác định

như sau:

Về kiến thức: Chương trình đào tạo cử nhân CA-TBDH cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức toàn diện bao gồm kiến thức đại cương, kiến thức chuyên môn, chuẩn mực nghề nghiệp; lý thuyết và thực hành ngoại ngữ, bao gồm tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Trung và tiếng Nhật ứng dụng trong lĩnh vực biên - phiên dịch, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế và truyền thông quốc tế.

Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm, kỹ năng nghiệp vụ như kỹ năng đàm phán, thuyết trình, tư duy phản biện, quản lý - lãnh đạo và nghiên cứu khoa học cũng như kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh. Trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng công nghệ thông tin, đáp ứng các quy định hiện hành; khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hoá và bối cảnh toàn cầu hoá.

Về tinh thần và thái độ làm việc: Rèn luyện cho sinh viên tác phong chuyên nghiệp, kỹ năng học tập suốt đời, có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội đáp ứng được yêu cầu hoàn thiện bản thân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

3. CHUẨN ĐẦU RA

STT	MÃ	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ
3.1. KIẾN THỨC			
1	KT1	- Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật. - Nắm vững kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	3/6

2	KT2	- Nắm vững kiến thức nền tảng về đất nước, con người, lịch sử, văn hoá, văn học - nghệ thuật, kinh tế, chính trị... của các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc). - Sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn hoặc tiếng Nhật) thành thạo (tương đương trình độ B2, Khung tham chiếu châu Âu; bậc 4/6 của Khung Năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ quốc tế). - Có khả năng biên phiên dịch, nghe tin, đọc báo, tổng hợp, phân tích, viết báo cáo; có khả năng thuyết trình, bình luận về các tin tức, sự kiện, các bài phân tích, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế và truyền thông quốc tế.	3/6
3	KT3	- Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ về quan hệ quốc tế và kiến thức bổ trợ về kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật quốc tế. - Có khả năng thực hiện công tác biên phiên dịch (ở trình độ sơ trung cấp) vào công tác nghiên cứu, đối ngoại và hợp tác quốc tế phù hợp như các cuộc họp, cuộc tiếp xúc, hội thảo và tọa đàm. - Có khả năng biên dịch các tài liệu liên quan đến ngành học tại các Bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.	3/6
4	KT4	- Có khả năng phân tích các sự kiện, vấn đề diễn ra tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và của một số quốc gia nói riêng. - Vận dụng các kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành để giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn công việc.	3/6

5	KT5	- Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, cách xử lý và diễn dịch số liệu thống kê phục vụ công tác nghiên cứu về ngôn ngữ nói riêng và khoa học xã hội nói chung. - Đưa ra được những nhận định về các vấn đề dựa trên kiến thức, chuẩn mực và tiêu chí của chuyên ngành.	3/6
3.2. KỸ NĂNG			
1	KN1	Có kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại; có đủ năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm.	4/5
2	KN2	Thực hành hiệu quả các kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại như lễ tân, tổ chức sự kiện đối ngoại, tổ chức đón đoàn đối ngoại, giao tiếp đối ngoại, viết báo cáo, đàm phán...	4/5
3	KN3	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng các yêu cầu công việc trong các môi trường khác nhau; có kỹ năng soạn thảo văn bản, giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng tư duy giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	4/5
4	KN4	Có kỹ năng đàm phán, tổ chức thực hiện và giải quyết những vấn đề quốc tế liên quan đến chuyên ngành Châu Á - Thái Bình Dương học.	4/5
5	KN5	Có kỹ năng ngoại ngữ đạt chuẩn theo khung năng lực quốc gia về ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc.	4/5
6	KN6	Đạt chuẩn tin học cơ bản, có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.	4/5

3.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
1	NLTC1	Có tính trung thực, sáng tạo, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc toàn cầu	4/5
2	NLTC2	Có năng lực chuyên môn, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể. Trung thành với lợi ích quốc gia - dân tộc, có trách nhiệm đối với cộng đồng	4/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Nhóm 1: Làm việc tại các cơ quan, đơn vị đối ngoại của Đảng và Nhà nước, bao gồm các bộ, ngành và địa phương.
- Nhóm 2: Làm việc ở các tổ chức quốc tế liên chính phủ, các tổ chức quốc tế phi chính phủ, đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam.
- Nhóm 3: Làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt các công ty có quan hệ thương mại, dịch vụ quốc tế.
- Nhóm 4: Làm các công việc giảng dạy và nghiên cứu cho các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Nhóm 5: Làm việc cho các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh, các tòa soạn báo, tạp chí phụ trách các vấn đề liên quan tới đối ngoại (cộng tác viên, phóng viên, biên tập viên).

5. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Cuối mỗi khóa học, sinh viên có đủ tất cả các điều kiện sau đây sẽ được xét và

công nhận tốt nghiệp:

STT	Điều kiện	Tiêu chí thực hiện
1	Phẩm chất đạo đức	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
2	Kết quả học tập	- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định của ngành đào tạo. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.00 trở lên.
3	Ngoại ngữ	Có chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ của Học viện.
4	Tin học	Theo quy định của Học viện.
5	Giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất	- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. - Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định của Học viện.
6	Học phí	Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện.
7	Thư viện	Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện.
8	Trách nhiệm cộng đồng	Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện.

7. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **121 tín chỉ** (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và các học phần Ngoại ngữ 2).

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 121 tín chỉ

STT	Nội dung	Số tín chỉ (TC)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	15
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	58
	<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>	4
	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	9
	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	15
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	30
3	Kiến thức ngoại ngữ	24
4	Học phần kỹ năng	9

5	Kiến thức hướng nghiệp	5
6	Kiến thức tốt nghiệp	10

8. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

8.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp, hình thức tổ chức	Mục đích	Tỷ lệ (%)
<i>Giảng dạy</i>		
Thuyết giảng	Giảng viên đưa ra vấn đề, giải thích các vấn đề lý luận, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các học phần một cách khoa học, logic.	40%
Thảo luận nhóm, thảo luận trên lớp, thuyết trình	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong học phần. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng học phần.	30%
Nghiên cứu tình huống	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.	10%
Trải nghiệm thực tế	Tổ chức các chuyên đề/tọa đàm/hội thảo với các chuyên gia về các vấn đề của học phần. Tổ chức các buổi đi thực tế tới các cơ quan, doanh nghiệp để tìm hiểu quy trình tổ chức và làm việc.	10%
Nghiên cứu khoa học	Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.	10%
<i>Học tập</i>		
Học trên lớp	Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm.	50%
Tự học cá nhân	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	20%
Học nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác, giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào vấn đề thực tế.	15%

Kiến tập, thực hành	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn.	15%
---------------------	--	-----

8.2. Phương pháp đánh giá

8.2.1. Đánh giá học phần

Điểm học phần được đánh giá qua tối thiểu 03 điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Trong đó:

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên: có trọng số không lớn hơn 20% tổng điểm học phần;
- Điểm kiểm tra - đánh giá định kỳ: có trọng số không ít hơn 20% tổng điểm học phần;
- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số không ít hơn 60% tổng điểm của học phần.

Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần xác định, được Trường Khoa phê duyệt và quy định trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm thi kết thúc học phần và điểm thành phần, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

8.2.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.
- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).
- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ

đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

8.2.3. Thang điểm

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10), sau đó chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F) và điểm số thang 4 (0-4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

15 TC

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	Tin học	IT.001.02	02	Tiếng Việt
8	Giáo dục thể chất*	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	Giáo dục quốc phòng*	AAD.002.11	08	Tiếng Việt

9.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

58 TC

9.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành

04 TC

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	2	Tiếng Việt
2	Chính trị học đại cương	FC.010.02	2	Tiếng Việt

9.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

09 TC

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.02	3	Tiếng Việt
2	Lý luận quan hệ quốc tế	IR.008.03	3	Tiếng Việt
3	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	IR.003.03	3	Tiếng Việt

* Tổng số tín chỉ phải tích lũy không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

9.2.3. Kiến thức bổ trợ**15 TC**

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	IR.007.02	3	Tiếng Việt
2	Công tác ngoại giao	IR.025.03	3	Tiếng Việt
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.02	3	Tiếng Việt
4	Truyền thông quốc tế	IC.009.02	3	Tiếng Việt
5	Công pháp quốc tế	IL.005.02	3	Tiếng Việt

9.2.4. Kiến thức chuyên ngành**30 TC**

Sinh viên chọn học 01 chuyên ngành trong số 04 chuyên ngành: Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Hoa Kỳ học.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
Học phần bắt buộc			9	
1	Nhập môn Châu Á - Thái Bình Dương học và khu vực học		3	Tiếng Việt
2	Quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương		3	Tiếng Việt
3	An ninh Châu Á - Thái Bình Dương		3	Tiếng Việt
Học phần tự chọn cho từng chuyên ngành (Sinh viên lựa chọn 07 học phần trong số các học phần dưới đây theo từng chuyên ngành)			21	
Trung Quốc học				
1	Đất nước học Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
2	Lịch sử Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
3	Hệ thống chính trị Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
4	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
5	Chính sách đối ngoại Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
6	Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
7	Kinh tế Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
8	Văn hóa xã hội Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
9	Văn hoá doanh nghiệp Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung
10	Truyền thông Trung Quốc		3	Tiếng Việt/ Trung

Hàn Quốc học				
1	Đất nước học Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
2	Lịch sử Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
3	Hệ thống chính trị Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
4	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
5	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
6	Quan hệ đối ngoại của Hàn Quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
7	Kinh tế Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
8	Văn hóa xã hội Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
9	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
10	Truyền thông Hàn Quốc		3	Tiếng Việt/ Hàn
Nhật Bản học				
1	Đất nước học Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
2	Lịch sử Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
3	Hệ thống chính trị Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
4	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
5	Chính sách đối ngoại Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
6	Quan hệ đối ngoại của Nhật Bản tại Châu Á - Thái Bình Dương và Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
7	Kinh tế Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
8	Văn hoá xã hội Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
9	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
10	Truyền thông Nhật Bản		3	Tiếng Việt/ Nhật
Hoa Kỳ học				
1	Đất nước học Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
2	Lịch sử Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
3	Hệ thống chính trị Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
4	Tôn giáo Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
5	Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh

6	Quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
7	Kinh tế Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
8	Văn hoá xã hội Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
9	Văn hóa doanh nghiệp Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh
10	Truyền thông Hoa Kỳ		3	Tiếng Việt/ Anh

9.3. Kiến thức ngoại ngữ

24 TC

Sinh viên học 01 trong 04 ngoại ngữ: Tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Sinh viên căn cứ trình độ đầu vào để học đủ số tín chỉ ngoại ngữ.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
Tiếng Trung			24	
1	Tiếng Trung cơ sở I		4	Tiếng Trung
2	Tiếng Trung cơ sở II		4	Tiếng Trung
3	Tiếng Trung cơ sở III		4	Tiếng Trung
4	Tiếng Trung Ngoại giao I		4	Tiếng Trung
5	Tiếng Trung Ngoại giao II		4	Tiếng Trung
6	Tiếng Trung Ngoại giao III		4	Tiếng Trung
7	Tiếng Trung Ngoại giao IV		4	Tiếng Trung
8	Tiếng Trung Ngoại giao V		4	Tiếng Trung
9	Tiếng Trung Ngoại giao VI		4	Tiếng Trung
Tiếng Nhật * Đối tượng sinh viên chưa có N3 học các học phần từ Tiếng Nhật cơ sở I đến Tiếng Nhật ngoại giao III. * Đối tượng sinh viên có N3 học các học phần từ Tiếng Nhật ngoại giao IV đến Tiếng Nhật ngoại giao VI.			24	
1	Tiếng Nhật cơ sở I		4	Tiếng Nhật
2	Tiếng Nhật cơ sở II		4	Tiếng Nhật
3	Tiếng Nhật cơ sở III		4	Tiếng Nhật
4	Tiếng Nhật Ngoại giao I		4	Tiếng Nhật
5	Tiếng Nhật Ngoại giao II		4	Tiếng Nhật
6	Tiếng Nhật Ngoại giao III		4	Tiếng Nhật
7	Tiếng Nhật Ngoại giao IV		4	Tiếng Nhật
8	Tiếng Nhật Ngoại giao V		4	Tiếng Nhật
9	Tiếng Nhật Ngoại giao VI		4	Tiếng Nhật

Tiếng Hàn			24	
1	Tiếng Hàn cơ sở I		4	Tiếng Hàn
2	Tiếng Hàn cơ sở II		4	Tiếng Hàn
3	Tiếng Hàn cơ sở III		4	Tiếng Hàn
4	Tiếng Hàn Ngoại giao I		4	Tiếng Hàn
5	Tiếng Hàn Ngoại giao II		4	Tiếng Hàn
6	Tiếng Hàn Ngoại giao III		4	Tiếng Hàn
7	Tiếng Hàn Ngoại giao IV		4	Tiếng Hàn
8	Tiếng Hàn Ngoại giao V		4	Tiếng Hàn
9	Tiếng Hàn Ngoại giao VI		4	Tiếng Hàn
Tiếng Anh			24	
1	Tiếng Anh cơ sở I		4	Tiếng Anh
2	Tiếng Anh cơ sở II		4	Tiếng Anh
3	Tiếng Anh cơ sở III		4	Tiếng Anh
4	Tiếng Anh Ngoại giao I		4	Tiếng Anh
5	Tiếng Anh Ngoại giao II		4	Tiếng Anh
6	Tiếng Anh Ngoại giao III		4	Tiếng Anh
7	Tiếng Anh Ngoại giao IV		4	Tiếng Anh
8	Tiếng Anh Ngoại giao V		4	Tiếng Anh
9	Tiếng Anh Ngoại giao VI		4	Tiếng Anh

9.4. Học phần kỹ năng

09 TC

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
Học phần bắt buộc			03	
1	Đàm phán quốc tế		3	Tiếng Trung/ Nhật/ Hàn/ Anh
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 02 học phần trong số các học phần dưới đây)			06	
1	Kỹ năng Tư duy phản biện		3	Tiếng Anh
2	Kỹ năng thuyết trình		3	Tiếng Trung/ Nhật/ Hàn/ Anh
3	Kỹ năng Phân tích sự kiện		3	Tiếng Việt
5	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá		3	Tiếng Việt/ Trung/ Nhật/ Hàn
6	Kỹ năng quản lý dự án		3	Tiếng Việt/ Anh
7	Kỹ năng phát triển sự nghiệp		3	Tiếng Việt/ Anh

9.5. Kiến thức hướng nghiệp**05 TC**

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hướng nghiệp	AAD.039.02	2	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa	IC.038.03	3	Tiếng Việt

9.6. Kiến thức tốt nghiệp**10 TC**

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Tốt nghiệp: a/ Viết Khóa luận b/ (hoặc) Bài tập dự án/ sản phẩm) c/ (hoặc) Học phần ... tổng hợp		10	Tiếng Việt/ hoặc Tiếng Trung/ Nhật/ Hàn/ Anh

10. MA TRẬN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA MỖI HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA												
			KIẾN THỨC					KỸ NĂNG						NLTC	
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
	Kiến thức cơ sở khối ngành														
1.	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	3							3			3	3	3
2.	Chính trị học đại cương	FC.010.02	3							3			3	3	3
	Kiến thức cơ sở ngành		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
3.	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.02				3	3			3		3	4	3	3
4.	Lý luận quan hệ quốc tế	IR.008.03				3	3			3		3	4	4	4
5.	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	IR.003.03				3	3	4		3		3	4	3	3
	Kiến thức chuyên ngành		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
	Học phần bắt buộc		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
6.	Nhập môn Châu Á - Thái Bình Dương học và khu vực học			3		3	3	3		3	4	3	4	4	4
7.	Quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương			3		3	3	3		3	4	3	4	4	4
8.	An ninh Châu Á - Thái Bình Dương			3		3	3	3		3	4	3	4	4	4
	Học phần tự chọn cho từng hướng ngành														
	Trung Quốc học		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2

9.	Đất nước học Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
10.	Lịch sử Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
11.	Hệ thống chính trị Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
12.	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
13.	Chính sách đối ngoại Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
14.	Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
15.	Kinh tế Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
16.	Văn hóa xã hội Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
17.	Văn hoá doanh nghiệp Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
18.	Truyền thông Trung Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
	<i>Hàn Quốc học</i>		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
19.	Đất nước học Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
20.	Lịch sử Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
21.	Hệ thống chính trị Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
22.	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
23.	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
24.	Quan hệ đối ngoại của Hàn Quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
25.	Kinh tế Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3

26.	Văn hóa xã hội Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
27.	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
28.	Truyền thông Hàn Quốc		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
	<i>Nhật Bản học</i>		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
29.	Đất nước học Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
30.	Lịch sử Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
31.	Hệ thống chính trị Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
32.	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
33.	Chính sách đối ngoại Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
34.	Quan hệ đối ngoại của Nhật Bản tại Châu Á - Thái Bình Dương và Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
35.	Kinh tế Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
36.	Văn hoá xã hội Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
37.	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
38.	Truyền thông Nhật Bản		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
	<i>Hoa Kỳ học</i>		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
39.	Đất nước học Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
40.	Lịch sử Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
41.	Hệ thống chính trị Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	4	4
42.	Tôn giáo Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
43.	Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3

44.	Quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
45.	Kinh tế Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
46.	Văn hoá xã hội Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
47.	Văn hóa doanh nghiệp Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
48.	Truyền thông Hoa Kỳ		3	3		3	3	4		4	3	3	4	3	3
	Học phần kỹ năng		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
49.	Đàm phán quốc tế		3	3	3		3	3		3	4	4	4	4	4
50.	Kỹ năng Tư duy phản biện		3	3	3		3			3		4	4	4	4
51.	Kỹ năng thuyết trình		3	3	3		3			3		4	4	3	3
52.	Kỹ năng Phân tích sự kiện		3	3	3	3	3	3		3	4	4	4	4	4
53.	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá		3	3	3		3			3		4	4	3	3
54.	Kỹ năng quản lý dự án		3	3	3		3			3		4	4	3	3
55.	Kỹ năng phát triển sự nghiệp		3	3	3		3			3		4	4	3	3
	Kiến thức giáo dục đại cương		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
56.	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	3										3	2	2
57.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	3										3	4	4
58.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	3										3	2	2
59.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	3										3	4	4
60.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	3										3	2	2
61.	Pháp luật đại cương	IL.003.02	3										3	4	4

	<i>Kiến thức bổ trợ</i>		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
62.	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	IR.007.03	2	3	4			4	4			3	4	4	4
63.	Công tác ngoại giao	IR.025.02	2	3	4			4	4			3	4	4	4
64.	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.02	2	3	4			4	3			3	4	4	4
65.	Truyền thông quốc tế	IC.009.02	3	3	3			3	3			3	4	4	4
66.	Công pháp quốc tế	IL.004.03	3	4				3	3			3	4	4	4
	<i>Kiến thức tốt nghiệp</i>		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2
67.	Hướng nghiệp		4	4				4	4			3	4	4	
68.	Thực tập tốt nghiệp		4	4				4	4			3	4	4	
69.	Khóa luận tốt nghiệp	E.037.10	5	5				5	5			3	4	5	

11. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1		
1	Triết học Mác - Lênin	03
2	Lịch sử văn minh thế giới	02
3	Pháp luật đại cương	02
4	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	03
5	Công tác ngoại giao	03
6	Ngoại ngữ chính	04
7	Tin học	02
8	Giáo dục thể chất	03
9	Ngoại ngữ 2 (I)	02
HỌC KỲ 2		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	02
2	Chính trị học đại cương	02
3	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	03
4	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	03
5	Công pháp quốc tế	03
6	Ngoại ngữ chính	04
7	Giáo dục quốc phòng	08
8	Ngoại ngữ 2 (II)	02
HỌC KỲ 3		
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02
2	Công pháp quốc tế	03
3	Lý luận quan hệ quốc tế	03
4	Truyền thông quốc tế	03
5	Nhập môn Châu Á - Thái Bình Dương học và khu vực học	03
6	Ngoại ngữ chính	04
7	Ngoại ngữ 2 (III)	02
HỌC KỲ 4		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02

2	Quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	03
3	An ninh Châu Á - Thái Bình Dương	03
4	Học phần tự chọn 1 theo từng chuyên ngành	03
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	03
6	Ngoại ngữ chính	04
7	Ngoại ngữ 2 (IV)	02
HỌC KỲ 5		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	02
2	Học phần tự chọn 2 theo từng chuyên ngành	03
3	Học phần tự chọn 3 theo từng chuyên ngành	03
4	Ngoại ngữ chính	04
5	Đàm phán quốc tế	03
HỌC KỲ 6		
1	Học phần tự chọn 4 theo từng chuyên ngành	03
2	Học phần tự chọn 5 theo từng chuyên ngành	03
3	Học phần kỹ năng tự chọn 1	03
4	Ngoại ngữ chính	04
HỌC KỲ 7		
1	Học phần tự chọn 6 theo từng chuyên ngành	03
2	Học phần tự chọn 7 theo từng chuyên ngành	03
3	Học phần kỹ năng tự chọn 2	03
4	Hướng nghiệp	02
HỌC KỲ 8		
1	Thực tập cuối khóa	03
2	Khóa luận tốt nghiệp/ hoặc học nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn	12

12. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Thái Yên Hương 1962; Giảng viên Cao cấp	Giáo sư	Tiến sĩ; Việt Nam	Lịch sử thế giới cận hiện đại	Thạc sĩ Quan hệ quốc tế

2	Đặng Cẩm Tú; 1976; Giảng viên	Phó Giáo sư; 2019	Tiến sĩ; Úc	Chính trị học và Quan hệ quốc tế	Thạc sĩ Nghiên cứu chiến lược
3	Trần Thị Thanh Liên; 1971; Giảng viên		Tiến sĩ; Nhật Bản	Châu Á - Thái Bình Dương học	
4	Đinh Thị Hiền Lương; 1977; Giảng viên		Tiến sĩ; Úc	Nghiên cứu An ninh quốc tế	
5	Phan Vũ Tuấn Anh; 1980; Giảng viên		Tiến sĩ; Trung Quốc	Ngôn ngữ học ứng dụng	Thạc sĩ Quan hệ quốc tế
6	Hoàng Tùng Lan; 1985; Giảng viên		Tiến sĩ; Trung Quốc	Quan hệ quốc tế	
7	Quách Quang Hồng; 1980; Giảng viên		Tiến sĩ; Việt Nam	Lịch sử thế giới	
8	Bùi Hải Thiêm; 1988; Giảng viên		Tiến sĩ; Úc	Chính trị học	Thạc sĩ Nghiên cứu quốc tế & Ngoại giao
9	Nguyễn Thọ Đức; Giảng viên		Tiến sĩ; Đài Loan (Trung Quốc)	Văn học Trung Quốc	Thạc sĩ Hán học
10	Đỗ Thanh Thảo Miên; 1985 Giảng viên		Tiến sĩ; Hàn Quốc	Lịch sử Hàn Quốc	
11	Chu Quỳnh Chi; 1974; Giảng viên chính		Thạc sĩ; Việt Nam	Quan hệ quốc tế	
12	Đỗ Thị Thu Phượng; 1985; Giảng viên		Thạc sĩ; Nhật Bản	Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	

13	Nguyễn Thuỳ Linh 1981; Giảng viên		Thạc sĩ; Trung Quốc	Ngôn ngữ học ứng dụng	
14	Trần Ngọc Ninh; 1982; Giảng viên		Thạc sĩ; Trung Quốc	Quan hệ quốc tế	
15	Hoàng Thị Lan; 1991; Giảng viên		Thạc sĩ; Việt Nam	Quan hệ quốc tế	
16	Nguyễn Tâm Quang; 1973 Giảng viên		Thạc sĩ Nhật Bản	Kinh tế học	
17	Lê Đức Anh; 1991; Giảng viên		Thạc sĩ; Nhật Bản	Nghiên cứu Văn hóa Đông Á	
18	Phạm Hoa Mai; 1983; Giảng viên		Thạc sĩ; Hàn Quốc	Giảng dạy tiếng Hàn	
19	Hoàng Mai Hương; 1983; Giảng viên		Thạc sĩ; Việt Nam	Đông phương học	

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Học viện đang từng bước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy, đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Học viện có ba toà nhà làm việc, bao gồm hai toà nhà 7 tầng, một toà nhà 5 tầng, trong đó hơn 50 phòng làm việc cho các Phòng, Ban, các Khoa, 51 phòng học và nhiều phòng chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy và tổ chức các hội thảo trên diện tích 28,281 m². Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng, điều hoà, máy chiếu, hệ thống ánh sáng và âm thanh.

Ngoài ra, Học viện còn có:

- Thư viện của Học viện rộng 1.490 m², gồm 05 phòng đọc sinh viên kết hợp tra cứu báo và tạp chí với tổng diện tích 739 m² được trang bị máy tính hiện đại và kho sách với gần 55.000 tài liệu, trong đó có 26.257 đầu sách/tạp chí, gần 5.000 khoá luận cử nhân, luận văn cao học và luận án tiến sĩ, hơn 500 báo cáo đề tài

nghiên cứu khoa học các cấp, 25 loại tạp chí, báo tiếng Việt và 15 loại tạp chí, báo tiếng nước ngoài;

- 05 phòng học đa phương tiện gồm 02 phòng lab và 03 phòng multimedia, với các ca-bin, máy tính kết nối internet, bộ điều khiển trung tâm, loa cá nhân để phục vụ các môn học đặc thù như nghe nói ngoại ngữ;

- Nhiều phòng chức năng, gồm Phòng Hội thảo Geneva, Phòng Hội thảo Berlin, Hội trường A, Phòng Truyền thống, Phòng Khánh tiết, Phòng Hội thảo B, C,... phục vụ cho các mục đích khác nhau như tổ chức các sự kiện đối ngoại, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên,...

Về tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập, Thư viện Học viện Ngoại giao cơ bản có đầy đủ giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo và các tài liệu khác để tổ chức đào tạo ngành Châu Á - Thái Bình Dương học.

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Về quy mô lớp học: Số lượng sinh viên phù hợp để áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Giờ học thực hành có thể áp dụng các hình thức: thảo luận nhóm, thực hành tại cơ sở thực hành của Học viện, khảo sát thực tế và viết báo cáo.

- Về giảng viên: Đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, đáp ứng điều kiện theo quy định, có kinh nghiệm thực tế, đã từng công tác trong các lĩnh vực nghiên cứu về Châu Á - Thái Bình Dương. Ngoài các buổi thuyết giảng trên lớp, sinh viên được tham gia các buổi Guest Speaker với sự tham gia của các giảng viên nước ngoài, chuyên gia, cán bộ quản trị từ các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu về báo cáo chuyên đề.

- Về học tập, nghiên cứu: Sinh viên được thực tập, viết bài, tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học của Khoa và được xác nhận của Giám đốc Học viện (sau khi đã được Khoa xác nhận). Ngoài ra, sinh viên chuyên ngành Châu Á - Thái Bình Dương học luôn nhận được sự ưu tiên trong đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, cũng như sử dụng tài liệu thư viện, tiếp cận sách báo, tạp chí để nghiên cứu và cập nhật kiến thức.

- Về ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ cử nhân Châu Á - Thái Bình Dương là 6.0 IELTS hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương. Sinh viên

được học nhiều học phần chuyên ngành bằng ngoại ngữ và thực hiện khóa luận bằng ngoại ngữ, giúp sinh viên phát triển trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra, sinh viên được lựa chọn học thêm học phần ngoại ngữ tự chọn gồm tiếng Nhật, Hàn, Pháp, Trung.

- Hoạt động ngoại khóa: Chương trình đào tạo ngành Châu Á - Thái Bình Dương học liên kết với một số cơ quan tổ chức có uy tín để bố trí giáo viên, sinh viên tham gia thực tập, tham quan, khảo sát cuối mỗi học kỳ. Ngoài ra, sinh viên được ưu tiên tham gia các cuộc Hội thảo và các buổi đón tiếp (các chính khách, Đại sứ hoặc các đoàn khách nước ngoài khác đến thăm và làm việc với Học viện) để nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

- Hoạt động hướng nghiệp: Sinh viên thường xuyên được cung cấp các thông tin tuyển dụng, kết nối với các cơ hội việc làm trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo. Năm học cuối, sinh viên sẽ được tiếp cận mạng lưới các đơn vị tuyển dụng.

- Cơ hội học bổng: Chương trình cử nhân ngành Châu Á - Thái Bình Dương học được xây dựng trên cơ sở tham chiếu và cập nhật liên tục chương trình đào tạo ngành Châu Á - Thái Bình Dương học của các đại học danh tiếng ở trong và ngoài nước, mang tính hội nhập cao. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội nhận học bổng trong nước cũng như nước ngoài hơn khi theo học chương trình thạc sĩ, tiến sĩ sau khi tốt nghiệp cử nhân.

15.MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

15.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Triết học Mác - Lênin* giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

15.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần *Kinh tế chính trị Mác - Lênin* giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về kinh tế - chính trị học: Lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó giúp sinh viên hiểu bản chất các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường, hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan của nền kinh tế, giải quyết các quan hệ lợi ích khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Đây là một nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin trong chương trình đào tạo đại học nhằm giáo dục tư tưởng lý luận cho người học, giúp người học xây dựng phương pháp luận khoa học, hình thành nền tảng lý luận khoa học để tiếp cận các môn khoa học kinh tế khác.

15.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, cung cấp cho người học lý luận cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân cùng những vấn đề có tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; giúp người học nhận rõ được cách thức, con đường, biện pháp để giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

15.4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần *Tư tưởng Hồ Chí Minh* cung cấp cho người học một cách có hệ thống cơ sở hình thành và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; từ đó, làm rõ những nguyên tắc mang tính quy luật của sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; khẳng định những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, cách mạng thế giới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học của tất cả các chuyên ngành, có vị trí quan trọng trong mục tiêu chiến lược về giáo dục và đào tạo toàn diện. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ có tác dụng to lớn trong việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho người học thành những con người có bản lĩnh chính trị vững vàng, lý tưởng cách mạng, có phẩm chất đạo đức tốt.

15.5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam /Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời

kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

15.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật và một số ngành luật quan trọng của Việt Nam. Cụ thể, học phần chia làm hai nhóm kiến thức. Nhóm kiến thức thứ nhất cung cấp cho sinh viên một số khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như pháp luật, nguồn của pháp luật (văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp) và về xây dựng pháp luật. Nhóm kiến thức thứ hai cung cấp các kiến thức chung về ba ngành luật quan trọng trong pháp luật Việt Nam (luật hiến pháp, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự) như nguồn của từng ngành luật, đối tượng điều chỉnh, các nội dung/chế định cơ bản của từng ngành luật.

15.7. TIN HỌC

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần 02 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.

15.8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần gồm 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một

số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

15.9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

- Số tín chỉ: **08**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần có 08 tín chỉ, bao gồm: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.

15.10. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời tiền cổ, cổ đại, đến cận - hiện đại với những nội dung: các cơ sở thiết lập văn minh; sự hình thành - phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những đóng góp cho văn minh nhân loại.

Khối kiến thức hệ thống về lịch sử văn minh thế giới giúp sinh viên lý giải về sự ra đời, phát triển và suy tàn của các nền văn minh, qua đó phân biệt những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh, và rút ra những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Môn học cũng gợi mở sự tìm tòi khám phá và nghiên cứu về lịch sử nhân loại và ý nghĩa của sự tồn tại của nhân loại, từ đó dẫn dắt sinh viên tới các lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu về thế giới.

15.11. CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: **02**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Chính trị học đại cương* nghiên cứu lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội. Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, phạm trù cơ bản của chính trị học như: chính trị, quyền lực chính trị, hệ thống chính trị, bản chất của chính trị (mối quan hệ kinh tế - chính trị), chủ thể hoạt động chính trị (con người chính trị), quyết sách chính trị, chính sách công, văn hóa chính trị, v.v.. Từ đó, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích chính trị và có thái độ chính trị đúng đắn. Giúp sinh viên có thể vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề liên quan đến chính trị nảy sinh trong thực tiễn đời sống.

15.12. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại* giới thiệu những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Thế chiến II đến nay cũng như những nội dung chính trong chính sách đối ngoại của một số nước, chủ yếu là các nước lớn, giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu về mối quan hệ giữa các nước lớn để có thể học tiếp các học phần sau. Kết thúc học phần, sinh viên hình thành tư duy phản biện, có khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề quốc tế hiện đại, có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.

15.13. LÝ LUẬN QUAN HỆ QUỐC TẾ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học; giúp sinh viên hình thành tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như hình thành phương pháp luận Mác - Lênin, cách tiếp cận khoa học trong việc xem xét, phân tích, đánh giá các vấn đề quốc tế.

15.14. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU QUAN HỆ QUỐC TẾ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, nhằm cung cấp những cách tiếp cận chính, phương pháp chủ yếu và những kỹ năng, thao tác cơ bản của công tác nghiên cứu như xử lý thông tin, viết và thuyết trình một vấn đề quốc tế. Qua đó, sinh viên nắm được các bước cần thiết trong việc xây dựng đề cương nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu... để có thể áp dụng cho quá trình làm tiểu luận, khóa luận và tranh luận các vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học.

Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được các bước tiến hành nghiên cứu quan hệ quốc tế; có kiến thức về các phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng thuyết trình. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và tự phát triển, mở rộng các kiến thức có liên quan về quan hệ quốc tế, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập về quan hệ quốc tế.

15.15. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay, cũng như quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới. Môn học giúp làm sáng tỏ các nhân tố chủ quan và khách quan tác động đến quá trình đổi mới tư duy đối ngoại qua các giai đoạn cụ thể, cũng như mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm và định hướng đối ngoại của Việt Nam. Môn học cũng đồng thời giúp sinh viên tìm hiểu nội dung chủ đề lớn của chính sách đối ngoại Việt Nam như hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập quốc tế và nâng tầm đối ngoại đa phương.

15.16. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao bao gồm nghiệp vụ cơ bản của công tác ngoại giao như các cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước và nước ngoài; công văn ngoại

giao; ngoại giao kinh tế; ngoại giao văn hóa; công tác báo chí và thông tin đối ngoại; công tác lãnh sự; công tác lễ tân ngoại giao; phép lịch sự xã giao và tư tưởng, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và được luyện tập các kỹ năng này. Thông qua các bài tập thực hành trên lớp, sinh viên có kỹ năng nhất định trong việc tổ chức các sự kiện ngoại giao liên quan đến công tác lễ tân ngoại giao, họp báo, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hay nghiên cứu một vấn đề liên quan đến nghiệp vụ ngoại giao.

15.17. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lịch vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

15.18. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Truyền thông quốc tế* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của truyền thông quốc tế tại Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: Khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập đoàn

truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; và phần sau cùng là các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau học phần, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế. Từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế các nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

15.19. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Pháp luật đại cương**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khung pháp lý quốc tế và kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, thẩm quyền quốc gia, miễn trừ quốc gia, trách nhiệm quốc gia, luật biển quốc tế, luật quốc tế về biên giới lãnh thổ, luật tổ chức quốc tế, luật nhân quyền quốc tế, luật ngoại giao lãnh sự dân cư, quốc tịch, và giải quyết tranh chấp quốc tế.

15.20. NHẬP MÔN CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG HỌC VÀ KHU VỰC HỌC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Trong học phần này, sinh viên sẽ được học những kiến thức cơ bản cần thiết về khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Mục tiêu nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc từ nhiều góc độ về tính độc đáo và đa dạng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Đồng thời, sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ giải quyết câu hỏi “Nghiên cứu khu vực là gì khi liên quan đến khu vực Châu Á - Thái Bình Dương?” và có tầm nhìn rộng về các mục tiêu của lĩnh vực này. Môn

học này đóng vai trò là bước đầu tiên mang tính nền tảng để tìm hiểu sâu hơn và rộng hơn về khu vực.

15.21. QUAN HỆ QUỐC TẾ TẠI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Nhập môn Châu Á - Thái Bình Dương học và khu vực học, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Lý luận quan hệ quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và cụ thể về lý thuyết và áp dụng thực tiễn của quan hệ quốc tế trong bối cảnh đặc thù của Châu Á - Thái Bình Dương. Từ đó, nghiên cứu và phân tích về đường lối chính sách của các nước trong khu vực và quan hệ giữa các nước này, nhất là các nước lớn. Sau khóa học, sinh viên sẽ nắm được các vấn đề cơ bản về chính trị và đối ngoại, các nhân tố tác động và sự vận động của quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

15.22. AN NINH CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lý luận quan hệ quốc tế, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Nhập môn Châu Á - Thái Bình Dương học và khu vực học**

Học phần *An ninh Châu Á - Thái Bình Dương* giúp sinh viên tìm hiểu các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, từ đó hiểu rõ hơn vấn đề lịch sử, hiện trạng và triển vọng của an ninh khu vực, cũng như tính đa dạng của các thách thức an ninh, hiểu sâu hơn về chính sách của các nước trong khu vực và quan hệ giữa các nước này, nhất là các nước lớn trong ứng phó với các vấn đề an ninh nổi trội. Cụ thể, sau khóa học, sinh viên sẽ nắm được các vấn đề cơ bản về an ninh khu vực như cấu trúc an ninh khu vực, các mối quan hệ, cơ chế liên kết và hợp tác an ninh khu vực, chính sách an ninh của các chủ thể chính trong khu vực, và những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống chủ yếu ở Châu Á - Thái Bình Dương.

15.23. ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đất nước học Trung Quốc* thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành dành cho bậc đào tạo cử nhân; cung cấp cho người học một cách hệ thống các kiến thức cơ bản nhất về địa lí, lịch sử, dân tộc, chính trị, tư tưởng truyền thống của Trung Quốc; trang bị phương pháp và kỹ năng để triển khai kiến thức chuyên môn về đất nước học Trung Quốc theo đúng mục tiêu đào tạo của một trường đại học nghiên cứu.

Về mặt kỹ năng, sinh viên khi kết thúc học phần sẽ được tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tư duy phản biện khi tiếp cận một khía cạnh nghiên cứu chuyên biệt của một vấn đề cụ thể; có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả.

15.24. LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Trung Quốc**

Trung Quốc là một đất nước lớn với bề dày lịch sử hàng nghìn năm với tầm ảnh hưởng đến toàn bộ khu vực, cùng lượng sử liệu và tư liệu vật chất đồ sộ đã được nghiên cứu sâu rộng. Học phần *Lịch sử Trung Quốc* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần khái quát về tiến trình lịch sử Trung Quốc, giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về phân kỳ và đặc điểm của từng thời kỳ lịch sử Trung Quốc, rèn luyện các kỹ năng về đọc hiểu, phân tích, phê phán và tổng hợp tài liệu, kỹ năng cơ bản về việc soạn báo cáo và trình bày quan điểm về một vấn đề lịch sử. Trong học phần này, giảng viên kịp thời cập nhật kiến thức và tình hình thực tế đang diễn ra ở các quốc gia Đông Nam Á cũng như trên thế giới nhằm mục đích cập nhật thông tin cho sinh viên và đánh giá phát triển lịch sử hiện đại của Trung Quốc tương quan với các sự kiện trên.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững khái niệm cơ bản trong nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, các thời kỳ chính của lịch sử Trung Quốc, đặc điểm của từng thời kỳ, các sự kiện và nhân vật tiêu biểu. Đồng thời phát triển những cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề lịch sử.

15.25. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Trung Quốc, Lịch sử quan hệ quốc tế**

hiện đại, Lịch sử Trung Quốc

Thông qua việc nghiên cứu hệ thống chính trị của Trung Quốc, sinh viên nắm bắt và hiểu được các thành tố cấu thành nên hệ thống chính trị; hiểu được chức năng, quyền hạn và quan hệ giữa các thành tố đó; quan trọng hơn là nắm được cơ chế vận hành quyền lực cũng như quyết sách trong hệ thống chính trị của đất nước này. Từ đó, hiểu sâu hơn về Trung Quốc, đặc biệt là những quyết định và chính sách của tập thể lãnh đạo đất nước này. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể hiểu sâu thêm tại sao Trung Quốc phải tiến hành cải cách hệ thống chính trị của mình và những thành tựu cũng như hạn chế trong quá trình cải cách hệ thống chính trị. Thông qua đó, sinh viên có thể phần nào dự báo được chiều hướng cải cách hệ thống chính trị của Trung Quốc trong tương lai.

15.26. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TÔN GIÁO TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Trung Quốc, Lịch sử Trung Quốc**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tư tưởng chính trị và tôn giáo của Trung Quốc, bao gồm các quá trình hình thành, các đặc điểm chính, tính kế thừa, tiếp nối và phát triển của các tư tưởng và tôn giáo, từ đó giúp hiểu rõ về quan điểm, lập trường và hành vi của Trung Quốc trong thế giới đương đại. Đặc biệt, học phần hướng tới việc sinh viên có thể phân tích và giải thích chính trị và tôn giáo Trung Quốc gắn với những đặc thù về văn hoá, lịch sử, tư tưởng triết học của quốc gia này.

Về mặt kỹ năng, sinh viên khi kết thúc học phần sẽ được tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tư duy phản biện khi tiếp cận một khía cạnh nghiên cứu chuyên biệt của một vấn đề cụ thể; có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của một chủ thể như Trung Quốc một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình trước đám đông.

15.27. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các môn cơ sở ngành, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Lý luận quan hệ quốc tế, Đất nước học Trung Quốc, Hệ thống chính trị Trung Quốc, Lịch sử Trung Quốc**

Học phần *Chính sách đối ngoại Trung Quốc* thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành dành cho bậc đào tạo cử nhân ngành Châu Á - Thái Bình Dương học. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Trung Quốc, đặc biệt kể từ khi Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập đến nay, bao gồm các quá trình phát triển, các đặc điểm chính, các nhân tố tác động, các xu thế vận động của chính sách đối ngoại Trung Quốc hiện nay, từ đó giúp sinh viên hiểu rõ về quan điểm, lập trường và hành vi của Trung Quốc trong thế giới đương đại. Đặc biệt, học phần hướng tới việc sinh viên có thể phân tích và giải thích chính sách đối ngoại Trung Quốc gắn với những đặc thù về văn hoá, lịch sử, tư tưởng triết học của quốc gia này. Ngược lại, sinh viên cũng có thể vận dụng các kiến thức đó để giải thích và đánh giá một vấn đề cụ thể liên quan đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc, liên quan đến hành vi của Trung Quốc với thế giới bên ngoài.

Về mặt kỹ năng, sinh viên khi kết thúc học phần sẽ được tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tư duy phản biện khi tiếp cận một khía cạnh nghiên cứu chuyên biệt của một vấn đề cụ thể; có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của một chủ thể như Trung Quốc một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình trước đám đông.

15.28. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA TRUNG QUỐC TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Đất nước học Trung Quốc, Lịch sử Trung Quốc, Chính sách đối ngoại Trung Quốc**

Học phần *Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần mang đến cho sinh viên những kiến thức về chính sách ngoại giao của Trung Quốc, đặc biệt là mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Trung Quốc. Trong sự

nghiệp đổi mới ở Việt Nam, bên cạnh tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo phải kể đến là thành công trong lĩnh vực đối ngoại. Chúng ta đã và đang chủ động hội nhập một cách tích cực, có hiệu quả vào đời sống khu vực và quốc tế. Với đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta đúng đắn và nhạy bén nhằm xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đồng thời củng cố và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn thực trạng về mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trên các lĩnh vực (chính trị - đối ngoại, kinh tế và các lĩnh vực khác) và dự báo triển vọng hợp tác quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong tương lai, qua đó đề xuất một số kiến nghị mang tính định hướng nhằm giữ vững, xây dựng và thúc đẩy hơn nữa sự phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược trong tương lai.

15.29. KINH TẾ TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Đất nước học Trung Quốc, Lịch sử Trung Quốc**

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế ở Trung Quốc, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về tình hình kinh tế xã hội, những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế ở Trung Quốc. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các vấn đề về các nguồn lực phát triển kinh tế; về thể chế kinh tế; về tăng trưởng kinh tế; về giáo dục đào tạo, lao động, việc làm và an sinh xã hội; về hội nhập kinh tế quốc tế.

15.30. VĂN HOÁ XÃ HỘI TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Trung Quốc, Lịch sử Trung Quốc**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn hóa truyền thống, các phong tục tập quán của đất nước Trung Quốc. Sinh viên có thể nắm bắt cơ bản về nghi lễ và tác phong của người Trung Quốc, lĩnh hội được cơ bản về cuộc sống sinh hoạt của người Trung Quốc (như ăn, mặc, ở, lễ hội, vui chơi giải trí, học tập...). Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên những từ vựng tiếng Trung

và cách diễn đạt phong phú bằng tiếng Trung liên quan đến các nội dung trên. Từ đây, sinh viên có thể nắm bắt các đặc trưng văn hóa và các loại hình văn hóa truyền thống của người Trung Quốc.

Thông qua việc nghiên cứu các vấn đề xã hội của Trung Quốc đương đại, sinh viên có thể nắm bắt và hiểu được tình hình thực tế của Trung Quốc trong thời kỳ chuyển đổi xã hội như: phân hóa lợi ích xã hội, thay đổi kết cấu xã hội và xu hướng phức tạp hóa của vấn đề xã hội. Từ góc độ vấn đề xã hội, có thêm những hiểu biết và kiến giải sâu hơn về tình hình của Trung Quốc. Thông qua nghiên cứu vấn đề xã hội Trung Quốc, sinh viên nắm vững hơn khung phân tích, phương pháp thông thường và phạm trù cơ bản trong những vấn đề xã hội của Trung Quốc, từ đó, lý giải được những thuận lợi và khó khăn khi Trung Quốc áp dụng những biện pháp để giải quyết vấn đề xã hội của mình, đặc biệt là những vấn đề nóng.

15.31. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Trung Quốc, Kinh tế Trung Quốc, Lịch sử Trung Quốc**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp Trung Quốc nói riêng.

Học phần cũng cung cấp kiến thức chung về văn hóa trong doanh nghiệp Trung Quốc và nâng cao khả năng viết cho sinh viên: viết Sơ yếu lý lịch để xin việc; viết và trả lời mail, viết báo cáo công việc. Ngoài ra, học phần còn nâng cao khả năng nghe, nói: Chào hỏi, trao danh thiếp; phỏng vấn khi đi xin việc; trình bày được sự khác nhau về văn hóa giữa doanh nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc, và nâng cao trình độ về đọc hiểu tiếng Trung chuyên ngành để hiểu rõ văn hóa của doanh nghiệp Trung Quốc.

15.32. TRUYỀN THÔNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các học phần kiến thức cơ sở, Đất nước học Trung Quốc, Lịch sử Trung Quốc, Văn hoá xã hội Trung Quốc**

Học phần cung cấp cho sinh viên các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền

thông quốc tế, kiến thức tổng quan về truyền thông Trung Quốc cũng như tình hình phát triển của truyền thông tại Trung Quốc.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về hệ thống truyền thông, đặc điểm truyền thông xã hội chủ nghĩa tại Trung Quốc, vị trí và vai trò của các cơ quan truyền thông lớn, cũng như các loại hình truyền thông mới nổi tại Trung Quốc hiện nay.

15.33. ĐẤT NƯỚC HỌC HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đất nước học Hàn Quốc* cung cấp cho sinh viên tri thức cơ bản về đặc điểm địa lý của Hàn Quốc như địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, sự phân chia hành chính và các đặc trưng các vùng của Hàn Quốc. Bên cạnh những đặc điểm dân cư của Hàn Quốc như: chủng tộc, sự phân bố, mật độ, tỉ lệ sinh - tử, giới tính, tuổi thọ bình quân, sinh viên sẽ được trang bị những tri thức cơ bản về văn hóa, lịch sử và nền kinh tế Hàn Quốc, sự nhảy vọt về kinh tế, và tầm ảnh hưởng của kinh tế và văn hóa Hàn Quốc đối với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, học phần sẽ cung cấp thêm tài liệu về đất nước - con người, video thắng cảnh Hàn Quốc.

15.34. LỊCH SỬ HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Hàn Quốc**

Hàn Quốc là một đất nước lớn với bề dày lịch sử gắn liền với những biến động lớn của khu vực và sự phát triển vượt bậc trong thời kì hiện đại, là chủ đề đã được nghiên cứu sâu rộng. Học phần *Lịch sử Hàn Quốc* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần khái quát về tiến trình lịch sử Hàn Quốc, giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về phân kỳ và đặc điểm của từng thời kỳ lịch sử Hàn Quốc, rèn luyện các kỹ năng về đọc hiểu, phân tích, phê phán và tổng hợp tài liệu, kỹ năng cơ bản về việc soạn báo cáo và trình bày quan điểm về một vấn đề lịch sử. Trong học phần này, giảng viên đồng thời thường xuyên cập nhật kiến thức và tình hình thực tế đang diễn ra ở các quốc gia Đông Nam Á cũng như trên thế giới nhằm mục đích cập nhật thông tin cho sinh viên và đánh giá phát triển lịch sử hiện đại của Hàn Quốc tương quan với các sự kiện trên.

15.35. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Đất nước học Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc**

Học phần *Hệ thống chính trị Hàn Quốc* thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành dành cho bậc đào tạo cử nhân ngành Châu Á - Thái Bình Dương. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tư tưởng và cách thức vận hành của thể chế chính trị Hàn Quốc đương đại, bao gồm các khung khái niệm, yếu tố cấu thành nhà nước, tương tác giữa chính phủ và xã hội. Đồng thời xem xét những thành quả và thách thức lớn mà Hàn Quốc đã đạt được từ 1945 đến nay. Đặc biệt, học phần hướng tới việc sinh viên có thể phân tích và giải thích chính trị Hàn Quốc gắn với những đặc thù về văn hoá, lịch sử và tương quan với khu vực.

Về mặt kỹ năng, sinh viên khi kết thúc học phần sẽ được tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tư duy phản biện khi tiếp cận một khía cạnh nghiên cứu chuyên biệt của một vấn đề cụ thể; có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của một chủ thể như Hàn Quốc một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình trước đám đông.

15.36. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TÔN GIÁO HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc**

Học phần *Tư tưởng chính trị và tôn giáo Hàn Quốc* trang bị cho sinh viên những kiến thức về tư tưởng chính trị và tôn giáo của người Hàn Quốc, hay nói cách khác là thế giới quan, quan điểm của người Hàn Quốc đối với hiện thực khách quan và xã hội. Học phần bao gồm những kiến thức về lịch sử quá trình phát triển, du nhập các tôn giáo ở Hàn Quốc từ thời cổ sử đến ngày nay. Tại Hàn Quốc tôn giáo tín ngưỡng và các hoạt động liên quan được tự do phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, hầu hết các tôn giáo trên thế giới đều có mặt tại nơi đây như Phật giáo, Thiên Chúa giáo (Kitô giáo, Cơ Đốc giáo), Nho giáo, Hồi giáo cùng với các tôn giáo bản địa.

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích ảnh hưởng của tôn giáo đến mọi mặt xã hội của Hàn Quốc và so sánh với Việt Nam.

Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm thông qua các bài tập trên lớp và về nhà.

15.37. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các môn cơ sở ngành, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Lý luận quan hệ quốc tế, Đất nước học Hàn Quốc, Hệ thống chính trị Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc**

Học phần *Chính sách đối ngoại Hàn Quốc* giới thiệu lịch sử và đặc điểm chính sách đối ngoại của Hàn Quốc kể từ khi thành lập chính phủ Hàn Quốc (1948) cho đến cuối thập niên đầu thế kỷ XXI. Học phần giúp sinh viên có thể tiếp cận vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại của Hàn Quốc trên các khía cạnh chủ yếu bao gồm chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh quốc phòng.

Thông qua học phần, sinh viên sẽ nắm vững được đặc trưng, bản chất các cơ sở lịch sử, chính trị, kinh tế; các tiềm năng cũng như các khó khăn để tiếp tục phát triển trong giai đoạn sau của Hàn Quốc và Triều Tiên. Đồng thời rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, và hình thành tư duy riêng về đường hướng ngoại giao Hàn Quốc cũng như những giải pháp có thể cho tình huống liên Triều.

15.38. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA HÀN QUỐC TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Đất nước học Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc, Chính sách đối ngoại Hàn Quốc**

Học phần *Quan hệ đối ngoại của Hàn Quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần mang đến cho sinh viên những kiến thức về chính sách ngoại giao của Hàn Quốc, đặc biệt là mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Hàn Quốc. Trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, bên cạnh tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo phải kể đến là thành công trong lĩnh vực đối ngoại. Chúng ta đã và đang chủ động hội nhập một cách tích cực, có hiệu quả vào đời sống khu vực và quốc tế. Với đường lối đối

ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta đúng đắn và nhạy bén nhằm xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đồng thời củng cố và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Nội dung học phần giúp sinh viên làm rõ hơn thực trạng về mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trên các lĩnh vực (chính trị - đối ngoại, kinh tế và các lĩnh vực khác) và dự báo triển vọng hợp tác quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trong tương lai, qua đó đề xuất một số kiến nghị mang tính định hướng nhằm giữ vững, xây dựng và thúc đẩy hơn nữa sự phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược trong tương lai.

15.39. KINH TẾ HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Đất nước học Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc**

Học phần *Kinh tế Hàn Quốc* trang bị cho sinh viên những kiến thức về những vấn đề chung của nền kinh tế Hàn Quốc như: quá trình phát triển kinh tế Hàn Quốc theo từng giai đoạn, các yếu tố thành công của nền kinh tế Hàn Quốc, quá trình đổi mới chính sách chủ đạo. Học phần giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ năm 1997 và khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã tác động như thế nào đến kinh tế Hàn Quốc. Phần cuối học phần, sinh viên sẽ tìm hiểu và phân tích về các bài toán mà nền kinh tế Hàn Quốc đang phải đối mặt.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị kỹ lưỡng những phương pháp để phân tích, thuyết trình những vấn đề về kinh tế Hàn Quốc, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao kiến thức và khả năng đánh giá, đưa ra giải pháp, mô hình ý tưởng mới đối với hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

15.40. VĂN HOÁ XÃ HỘI HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc**

Học phần *Văn hóa xã hội Hàn Quốc* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên

ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn hóa truyền thống, các phong tục tập quán và xã hội của đất nước Hàn Quốc. Sinh viên có thể nắm bắt cơ bản về nghi lễ và tác phong của người Hàn, lĩnh hội được cơ bản về cuộc sống sinh hoạt của người Hàn Quốc (ví dụ như ăn, mặc, ở, lễ hội, vui chơi giải trí, học tập v.v...). Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên những từ vựng tiếng Hàn và cách diễn đạt phong phú, dễ áp dụng bằng tiếng Hàn liên quan đến các nội dung trên. Từ đây, sinh viên có thể nắm bắt các đặc trưng văn hóa, và các loại hình nghệ thuật truyền thống của người Hàn Quốc.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tổng hợp và viết bài về đề tài liên quan đến văn hóa xã hội Hàn Quốc, trong đó có liên hệ với văn hóa Việt Nam, từ đó phân tích, giải thích các đặc trưng ứng xử xã hội của người Hàn Quốc hay tham gia tranh luận các cuộc tọa đàm về nghệ thuật, văn hóa truyền thống và văn hóa ứng xử xã hội của người Hàn Quốc.

15.41. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc, Kinh tế Hàn Quốc**

Học phần nhằm cung cấp kiến thức chung về văn hóa doanh nghiệp nói chung và văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc nói riêng, giúp sinh viên hiểu được mối liên quan giữa văn hóa bản địa và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc, nắm được quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp và văn hóa doanh nghiệp ở Hàn Quốc. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nhận thức được các đặc điểm văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc và văn hóa giao tiếp trong kinh doanh của người Hàn Quốc và nâng cao trình độ tiếng Hàn Quốc sử dụng trong môi trường doanh nghiệp Hàn Quốc.

15.42. TRUYỀN THÔNG HÀN QUỐC

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các học phần kiến thức cơ sở, Đất nước học Hàn Quốc, Lịch sử Hàn Quốc, Văn hoá xã hội Hàn Quốc**

Học phần *Truyền thông Hàn Quốc* trang bị cho sinh viên những kiến thức truyền thông của Hàn Quốc, một trong những đất nước với ảnh hưởng văn hoá

hàng đầu thế giới qua xây dựng truyền thông bài bản và hiệu quả. Qua nghiên cứu thực tiễn những câu chuyện truyền thông đại chúng Hàn Quốc trong nền công nghiệp giải trí như phim ảnh, âm nhạc và cách thức vận hành của báo chí, sinh viên sẽ có hiểu biết chung về sự ảnh hưởng của truyền thông lên xã hội Hàn Quốc nói riêng và thế giới nói chung cũng như phân tích được những mặt lợi - hại của cỗ máy không lồ đầy uy lực này.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị kỹ lưỡng những phương pháp để phân tích, thuyết trình những vấn đề về đặc trưng truyền thông Hàn Quốc, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao kiến thức và khả năng đánh giá, đưa ra giải pháp, mô hình ý tưởng mới đối với hợp tác giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

15.43. ĐẤT NƯỚC HỌC NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đất nước học Nhật Bản* cung cấp cho sinh viên tri thức cơ bản về đặc điểm địa lý của Nhật Bản như địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, sự phân chia hành chính và các đặc trưng các vùng của Nhật Bản. Bên cạnh những đặc điểm dân cư của Nhật Bản như: chủng tộc, sự phân bố, mật độ, tỉ lệ sinh - tử, giới tính, tuổi thọ bình quân, sinh viên sẽ được trang bị những tri thức cơ bản về văn hóa, lịch sử và nền kinh tế Nhật Bản, sự nhảy vọt về kinh tế và tầm ảnh hưởng của nền kinh tế Nhật Bản đối với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, học phần sẽ cung cấp thêm tài liệu về đất nước - con người, video thắng cảnh Nhật Bản.

15.44. LỊCH SỬ NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Nhật Bản**

Nhật Bản là một đất nước bảo tồn được một khối lượng sử liệu và tư liệu vật chất đồ sộ, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành nghiên cứu lịch sử Nhật Bản phát triển mạnh mẽ và có cơ sở chắc chắn. Trong nghiên cứu Nhật Bản, nghiên cứu lịch sử ở Nhật Bản được coi là mạnh nhất và có nhiều trường phái nghiên cứu khác nhau. Nhiều vấn đề như phân kì lịch sử Nhật Bản, đặc điểm của từng thời kì lịch

sử, vai trò của các nhân vật lịch sử vẫn còn nhiều ý kiến tranh luận.

Học phần *Lịch sử Nhật Bản* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần khái quát về tiến trình lịch sử Nhật Bản, giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về phân kỳ và đặc điểm của từng thời kỳ lịch sử Nhật Bản, rèn luyện các kỹ năng về việc đọc, phân tích, phê phán và tổng hợp tài liệu, kỹ năng cơ bản về việc soạn báo cáo và trình bày quan điểm về một vấn đề lịch sử. Trong học phần này, giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức và tình hình thực tế đang diễn ra ở các quốc gia Đông Nam Á cũng như trên thế giới nhằm mục đích giới thiệu và cập nhật thông tin cho sinh viên.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu lịch sử Nhật Bản, các thời kỳ chính của lịch sử Nhật Bản, đặc điểm của từng thời kỳ, các sự kiện và nhân vật tiêu biểu. Đồng thời có những cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề lịch sử.

15.45. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Đất nước học Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản**

Học phần *Hệ thống chính trị Nhật Bản* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần mang đến cho sinh viên những kiến thức về tổ chức bộ máy và những đặc trưng chủ yếu của hệ thống chính trị ở Nhật Bản.

Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, Nhật Bản là nước bại trận và bị tàn phá nặng nề. Mặc dù vậy, chưa đầy ba thập kỷ sau đó, Nhật Bản đã nhanh chóng hồi phục và có những bước phát triển “thần kỳ” để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trong gần ba thập kỷ gần đây, sự phát triển của kinh tế Nhật Bản có chững lại, song vẫn duy trì vị trí của một nền kinh tế hàng đầu thế giới. Một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến sự thành công của Nhật Bản được cho là từ cách thức tổ chức, vận hành bộ máy của hệ thống chính trị khá tinh gọn, được cải cách thường xuyên.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tổng hợp và viết bài về đề tài liên quan đến hệ thống chính trị Nhật Bản, từ đó phân tích, giải thích cơ cấu tổ chức, cách thức vận hành bộ máy của hệ thống chính trị, đồng thời luận giải được tác

động của hệ thống chính trị tới việc hồi phục và có những bước phát triển kinh tế ở Nhật Bản.

15.46. TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TÔN GIÁO NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản**

Học phần *Tư tưởng chính trị và tôn giáo Nhật Bản* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần mang đến cho sinh viên những kiến thức về tư tưởng chính trị và tôn giáo ở Nhật Bản.

Dưới góc độ xã hội học tôn giáo, Nhật Bản là một quốc gia rất độc đáo với sự hiện diện của nhiều loại hình tôn giáo khác nhau. Nhìn vào quá trình phát triển lịch sử Nhật Bản ta luôn thấy sự hiện diện của nhiều tôn giáo, chủ yếu là ba tôn giáo sau: Thần đạo (đạo Shinto), Phật giáo và Thiên chúa giáo. Cho đến nay, ảnh hưởng của ba tôn giáo này đã để lại dấu ấn đậm nét trong đời sống văn hoá của người Nhật.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tổng hợp và viết bài về đề tài liên quan đến bức tranh về đời sống tôn giáo Nhật Bản, nắm được những chặng đường đầu của lịch sử Nhật Bản để tìm hiểu xem ba tôn giáo này bắt nguồn từ đâu và ảnh hưởng của nó như thế nào đối với người Nhật, từ đó khái quát những vấn đề cơ bản trong chính sách tôn giáo của quốc gia này và đúc kết một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo hữu ích cho Việt Nam.

15.47. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các môn cơ sở ngành, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Lý luận quan hệ quốc tế, Đất nước học Nhật Bản, Hệ thống chính trị Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản**

Học phần cung cấp các kiến thức về chính sách đối ngoại Nhật Bản qua các thời kỳ; tìm hiểu các chủ trương về chính sách đối ngoại Nhật Bản với các nước lớn và các nước trong khu vực trong đó có Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được các khái niệm cơ bản về chính sách đối ngoại của Nhật Bản, đồng thời có những cách nhìn nhận riêng đối với một số vấn đề liên quan đến nội dung của học phần.

15.48. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử Quan hệ quốc tế hiện đại, Đất nước học Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản, Chính sách đối ngoại Nhật Bản**

Học phần *Quan hệ đối ngoại của Nhật Bản tại Châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Nhật Bản* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần mang đến cho sinh viên những kiến thức về chính sách ngoại giao của Nhật Bản, đặc biệt là mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Nhật Bản. Trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, bên cạnh tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo phải kể đến là thành công trong lĩnh vực đối ngoại. Chúng ta đã và đang chủ động hội nhập một cách tích cực, có hiệu quả vào đời sống khu vực và quốc tế. Với đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta đúng đắn và nhạy bén nhằm xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đồng thời củng cố và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Nội dung học phần giúp sinh viên làm rõ hơn thực trạng về mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trên các lĩnh vực (chính trị - đối ngoại, kinh tế và các lĩnh vực khác) và dự báo triển vọng hợp tác quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong tương lai, qua đó đề xuất một số kiến nghị mang tính định hướng nhằm giữ vững, xây dựng và thúc đẩy hơn nữa sự phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược trong tương lai.

15.49. KINH TẾ NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Đất nước học Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản**

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế ở Nhật Bản, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về tình hình kinh tế xã hội, những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế ở Nhật Bản.

Học phần cũng tập trung nghiên cứu các vấn đề về các nguồn lực phát triển kinh tế; về thể chế kinh tế; về tăng trưởng kinh tế; về giáo dục đào tạo, lao động việc làm và an sinh xã hội; về hội nhập kinh tế quốc tế.

15.50. VĂN HOÁ XÃ HỘI NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản**

Học phần *Văn hóa xã hội Nhật Bản* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn hóa truyền thống, các phong tục tập quán của đất nước Nhật Bản.

Sinh viên có thể nắm bắt cơ bản về nghi lễ và tác phong của người Nhật, lĩnh hội được cơ bản về cuộc sống sinh hoạt của người Nhật (ví dụ như ăn, mặc, ở, lễ hội, vui chơi giải trí, học tập v.v...). Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên những từ vựng tiếng Nhật và cách diễn đạt phong phú bằng tiếng Nhật liên quan đến các nội dung trên. Từ đây, sinh viên có thể nắm bắt các đặc trưng văn hóa của người Nhật và các loại hình văn hóa truyền thống, các trào lưu chính trị, kinh tế, văn hóa đại chúng, các vấn đề về tinh thần và dân số của đất nước Nhật Bản đương đại.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tổng hợp và viết bài về đề tài liên quan đến văn hóa, trong đó có liên hệ với văn hóa - xã hội Việt Nam, từ đó phân tích, giải thích các tình huống ứng xử xã hội của người Nhật, các trào lưu chính trị, kinh tế, văn hóa đại chúng, các vấn đề về tinh thần và dân số của đất nước Nhật Bản đương đại hay tham gia tranh luận các cuộc tọa đàm về văn hóa truyền thống và văn hóa ứng xử trong đời sống và xã hội của người Nhật. Đồng thời luận giải được việc tác động của những đặc trưng đó tới việc hình thành bản sắc quốc gia ở cấp độ cá nhân và cấp độ cộng đồng, đặc biệt là cách ứng xử của quốc gia đó trong quan hệ quốc tế.

15.51. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản, Kinh tế Nhật Bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp Nhật Bản nói riêng.

Học phần cũng giúp sinh viên có khả năng trình bày được và giải thích các

khái niệm về doanh nghiệp, kinh doanh; Liệt kê và mô tả được các bước và trình tự tạo lập doanh nghiệp; Kể tên được và phân biệt các loại hình doanh nghiệp; Vận dụng được kiến thức quản trị trong thảo luận; Hiểu và giải thích được vai trò, đặc điểm, các chỉ tiêu về các yếu tố sản xuất.

Học phần cũng cung cấp kiến thức chung về văn hóa trong doanh nghiệp Nhật Bản và nâng cao khả năng viết cho sinh viên: viết Sơ yếu lý lịch để xin việc; viết và trả lời mail, viết báo cáo công việc trong nguyên tắc Horenso. Ngoài ra, học phần còn nâng cao khả năng nghe, nói: Chào hỏi, trao danh thiếp; phỏng vấn khi đi xin việc; trình bày được sự khác nhau về văn hóa giữa doanh nghiệp của Việt Nam và Nhật Bản, và nâng cao trình độ về đọc hiểu tiếng Nhật chuyên ngành để hiểu rõ văn hóa của doanh nghiệp Nhật Bản.

15.52. TRUYỀN THÔNG NHẬT BẢN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các học phần kiến thức cơ sở, Đất nước học Nhật Bản, Lịch sử Nhật Bản, Văn hoá xã hội Nhật Bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, kiến thức tổng quan về truyền thông Nhật Bản cũng như tình hình phát triển của truyền thông tại Nhật Bản. Tại Nhật Bản có rất nhiều tập đoàn truyền thông lớn nổi tiếng và có uy tín như: Tập đoàn Dentsu; Tập đoàn Kantele; Tập đoàn Hakuhodo... Những tập đoàn truyền thông này đã góp công rất lớn trong việc khẳng định và duy trì chỗ đứng cho những thương hiệu hàng đầu Nhật Bản trên thị trường thế giới.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực như: Nghiên cứu truyền thông; Truyền thông/Truyền thông kỹ thuật số; Thực hành giao tiếp: Quan hệ công chúng/công ty; Truyền thông/Truyền thông phi lợi nhuận. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế. Từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông.

Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

15.53. ĐẤT NƯỚC HỌC HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức và tạo cách tiếp cận mới khi bắt đầu tham gia chương trình học về Hoa Kỳ học. Học phần hướng tới cung cấp một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên, xã hội, văn hóa của Hoa Kỳ để giúp người học hiểu thêm về sự gắn kết giữa vị trí địa lý của quốc gia, của các bang tới sự hình thành đặc trưng của hệ thống chính trị, nền kinh tế và văn hóa Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, làm rõ những vấn đề cần lưu tâm trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách của Mỹ về đối nội và đối ngoại.

Thông qua các kiến thức liên quan đến địa lý, điều kiện tự nhiên của Hoa Kỳ và mối quan hệ giữa điều kiện địa lý, tự nhiên với các yếu tố chính trị, kinh tế và văn hóa, người học sẽ nắm vững các cơ sở thực tiễn, từ đó nắm vững hơn về những thuận lợi và các vấn đề cần giải quyết để Hoa Kỳ tiếp tục phát triển thành một cường quốc như trong giai đoạn hiện đại.

Về mặt kỹ năng, sinh viên khi kết thúc học phần sẽ được tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tư duy đa chiều khi tiếp cận theo góc độ nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề cụ thể; có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của một chủ thể như Hoa Kỳ một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình.

15.54. LỊCH SỬ HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Hoa Kỳ**

Học phần này giúp sinh viên khám phá các khía cạnh chính của lịch sử sự phát triển xã hội, kinh tế và chính trị của Hoa Kỳ từ khi lập quốc đến nay. Sinh viên sẽ được học về bối cảnh lịch sử, xu hướng và sự kiện chính có ảnh hưởng đến Hoa Kỳ, bản sắc và văn hóa của nước này, và vai trò của Hoa Kỳ trong trật tự toàn cầu. Học phần bao gồm các buổi lý thuyết, thảo luận và các bài thuyết trình nhóm để

sinh viên có thể học hỏi, đúc kết kinh nghiệm và có kiến thức cơ bản vững về lịch sử Hoa Kỳ.

Không chỉ cung cấp kiến thức nền, học phần còn giúp sinh viên được trau dồi khả năng áp dụng các khái niệm của tư duy lịch sử, từ đó phát triển kỹ năng tư duy phản biện, cho phép sinh viên phân tích sự thay đổi của các sự kiện lịch sử, hiểu được quan điểm trong lịch sử và áp dụng từ các sự kiện cụ thể vào bối cảnh hiện nay.

15.55. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ**

Học phần *Hệ thống chính trị Hoa Kỳ* được thiết kế để giúp sinh viên làm quen với nguồn gốc, khái niệm, tổ chức, chính sách và hệ thống chính trị Hoa Kỳ, cũng như những thể chế, nhóm chính trị và hệ tư tưởng ảnh hưởng tới những nhân tố trên. Học phần sẽ phân tích lý thuyết qua các trường hợp cụ thể, qua đó giúp sinh viên làm quen với các quan điểm lý thuyết và cách giải thích cho các hành vi và kết quả khác nhau của chính sách Hoa Kỳ. Bên cạnh những bài đọc trong giáo trình, sinh viên sẽ cần đọc và phân tích các tài liệu, văn kiện chính thống của nhà nước Hoa Kỳ nhằm tăng kỹ năng suy luận, đọc hiểu.

Về kỹ năng, khi kết thúc học phần, người học sẽ có được khả năng tự chủ trong học tập, nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tiếp cận có tư duy phản biện khi gặp phải một nội dung cụ thể liên quan đến vấn đề nội bộ của một chủ thể quốc tế; có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của một chủ thể như Hoa Kỳ một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình.

15.56. TÔN GIÁO HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ**

Học phần *Tôn giáo Hoa Kỳ* thuộc nhóm cơ sở ngành hướng tới cung cấp kiến thức và trang bị cho sinh viên khả năng phân tích các tôn giáo đang được thực thi ở

Hoa Kỳ bao gồm: lịch sử xuất hiện các tôn giáo, đặc điểm chính, thực tiễn phát triển của các tôn giáo này tại Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được trang bị kiến thức về mối quan hệ giữa tôn giáo với đời sống xã hội và các chính sách của Hoa Kỳ đối với các đối tác nước ngoài.

Thông qua các giai đoạn hình thành và phát triển của các tôn giáo tại Hoa Kỳ, sinh viên nắm vững các cơ sở, các nhân tố tác động tới đời sống tôn giáo tại quốc gia này để có thể dự đoán sự phát triển trong giai đoạn sau.

Về kỹ năng, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm thông qua thu thập, xử lý thông tin và triển khai các bài tập về nhà và bài tập mô phỏng tại lớp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có điều kiện thực hành, triển khai kỹ năng trình bày.

15.57. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các môn cơ sở ngành, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Lý luận quan hệ quốc tế, Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ, Hệ thống chính trị Hoa Kỳ**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức chung và cơ bản về khung phân tích chính sách đối ngoại Mỹ, về chính sách đối ngoại Mỹ từ thời kỳ lập quốc tới giai đoạn hiện nay. Cụ thể, học phần sẽ làm rõ chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ từ giai đoạn những năm cộng hòa đầu tiên; quan hệ đối ngoại Mỹ trong thời kỳ nội chiến, tái thiết, trước chiến tranh Thế giới lần thứ nhất tới giai đoạn hiện tại. Học phần từng bước hướng sinh viên phát triển các kỹ năng phân tích, giải thích và dự báo về hướng phát triển của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ trong tương lai dựa trên kiến thức cơ sở về lịch sử, văn hóa xã hội đã được tích lũy từ các học phần đã học.

Thông qua các giai đoạn hình thành và triển khai chính sách đối ngoại và quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ, sinh viên nắm vững các cơ sở, các tiềm năng, cũng như các khó khăn để tiếp tục phát triển trong giai đoạn sau.

Về mặt kỹ năng, sinh viên khi kết thúc học phần sẽ hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tư duy tiếp cận đa chiều khi gặp một khía cạnh nghiên cứu chuyên sâu hoặc một vấn đề cụ thể; có khả

năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của một chủ thể như Hoa Kỳ một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình.

15.58. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA HOA KỲ TẠI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử Quan hệ quốc tế hiện đại, Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ, Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức chung và cơ bản về quan hệ đối ngoại của Mỹ với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó nhấn mạnh tới khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Cụ thể, học phần sẽ làm rõ chính sách và quan hệ đối ngoại của Mỹ đối với các đối tác quan trọng thuộc hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á như Trung Quốc, Nhật bản, ASEAN và Việt Nam...

Thông qua các giai đoạn thực hiện quan hệ đối ngoại Mỹ, người học sẽ nắm vững các cơ sở, các tiềm năng, cũng như các nhân tố tác động để dự báo sự tiếp tục phát triển quan hệ của Mỹ với các đối tác, đồng minh trong giai đoạn sau.

Về kỹ năng, sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức, cũng như tư duy tiếp cận đa chiều khi gặp một vấn đề về lĩnh vực cụ thể như quan hệ đối ngoại của một chủ thể như Hoa Kỳ với một đối tác mang tầm khu vực; có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của một chủ thể như Hoa Kỳ một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình.

15.59. KINH TẾ HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về nền kinh tế Mỹ thời kỳ lập quốc tới giai đoạn hiện đại. Cụ thể, học phần sẽ làm rõ tình hình kinh tế Mỹ giai đoạn trước khi Columbus khám phá ra

châu lục này; giai đoạn thuộc địa; cách mạng Mỹ; giai đoạn những năm cộng hòa đầu tiên; kinh tế Mỹ trong thế kỷ XIX (gồm chiến tranh 1812, các cuộc di dân bản địa, việc mở rộng về phía Tây, nội chiến và tái thiết). Bên cạnh đó, học phần sẽ làm rõ tình hình kinh tế Mỹ giai đoạn tái thiết; Kinh tế Mỹ đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất; Kinh tế Mỹ từ Chiến tranh thế giới thứ nhất đến Chiến tranh thế giới thứ hai; Kinh tế Mỹ từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến kết thúc chiến tranh Lạnh; Kinh tế Mỹ từ đầu thế kỷ XXI đến nay.

Thông qua các giai đoạn phát triển của kinh tế Mỹ, người học sẽ nắm vững các cơ sở, các tiềm năng, cũng như các khó khăn để tiếp tục phát triển trong giai đoạn sau.

Về kỹ năng, khi kết thúc học phần, người học sẽ có được khả năng phân tích dữ liệu và thông tin. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ hình thành được kỹ năng nghiên cứu độc lập và tiếp cận đa chiều khi cần giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực kinh tế của một đối tượng nghiên cứu cụ thể như Hoa Kỳ. Đồng thời, người học cũng xây dựng được kỹ năng phân tích, trình bày kết quả xử lý một vấn đề.

15.60. VĂN HOÁ XÃ HỘI HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới, Triết học Mác - Lênin, Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ**

Học phần *Văn hóa xã hội Hoa Kỳ* là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn hóa, xã hội và các tập quán của Hoa Kỳ được hình thành và phát triển từ giai đoạn lập quốc tới hiện tại. Sinh viên có thể hiểu được một cách cơ bản các đặc trưng văn hóa xã hội, nếp sống, tác phong và mối quan hệ giữa văn hóa với cách thức đưa ra chính sách của người Mỹ. Bên cạnh đó, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếp cận các vấn đề về chính trị đối nội và đối ngoại Hoa Kỳ theo góc độ lịch sử văn hóa. Sinh viên có thể hiểu rõ, nhận thức và luận giải được các loại hình văn hóa Hoa Kỳ.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu, nắm được và tiến tới hình thành tư duy và kỹ năng tổng hợp, phân tích những vấn đề liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu Hoa Kỳ theo góc độ văn hóa chính trị hoặc văn hóa lịch sử. Từ đó phân tích, giải thích các tình huống ứng xử trong xã hội của người Mỹ hoặc có khả năng tham

gia trao đổi, giải quyết các vấn đề theo góc độ văn hóa Hoa Kỳ.

15.61. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ, Kinh tế Hoa Kỳ**

Ngày nay trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế phát triển mạnh mẽ, kinh doanh cùng với văn hóa kinh doanh ngày càng được các nước chú ý vì không chỉ những lợi ích kinh tế mà cả lợi ích xã hội do nó mang lại. Tuy nhiên, trên thực tế lại xuất hiện nhiều cú sốc văn hóa trong tiến trình hợp tác kinh doanh toàn cầu. Đó là do mỗi quốc gia đều có nền văn hóa riêng, có cách thức và tập quán kinh doanh riêng, và khi giao lưu và hội nhập quốc tế nếu không có sự hiểu biết về văn hóa của nước đối tác, quan hệ song phương trong hợp tác kinh doanh sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Hiện nay, sau hơn 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã đạt được nhiều thành tựu rất lớn không chỉ về kinh tế chính trị mà cả về kinh tế thương mại. Bởi vậy, học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm cơ bản về kinh doanh, kinh doanh quốc tế và văn hóa kinh doanh, trong đó đi sâu tìm hiểu văn hóa kinh doanh của Hoa Kỳ nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có hiểu biết sâu sắc về khả năng hợp tác kinh doanh và do vậy, góp phần nâng cao hiệu quả với các đối tác kinh doanh Hoa Kỳ.

15.62. TRUYỀN THÔNG HOA KỲ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Các học phần kiến thức cơ sở, Đất nước học Hoa Kỳ, Lịch sử Hoa Kỳ, Văn hoá xã hội Hoa Kỳ**

Đây là học phần chuyên sâu cho sinh viên từ năm thứ 3 ngành Châu Á - Thái Bình Dương học, chuyên ngành Hoa Kỳ học, là học phần bắt buộc.

Truyền thông Hoa Kỳ được coi là quyền lực thứ tư sau lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tại Hoa Kỳ, truyền thông là cánh cửa để đi vào nền chính trị, bởi hầu hết người dân thường quan sát chính trị qua truyền thông hơn là trải nghiệm thực tế. Học phần này sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về truyền thông

Hoa Kỳ, được tiếp cận từ vai trò vị trí của báo chí truyền thông Hoa Kỳ quy định trong Hiến pháp và thực tiễn phát triển cũng như sự tham gia của giới truyền thông vào các khía cạnh công luận, chính trị đảng phái, các nhóm lợi ích, các chiến dịch bầu cử, phong trào xã hội và truyền thông quốc tế.

Học phần giúp người học có hiểu biết sâu sắc về báo chí truyền thông Hoa Kỳ và sự vận hành tương tác của hệ thống này với các nhóm khác nhau trong xã hội. Qua đó, giúp người học hiểu rõ bản chất, sự tham gia và ảnh hưởng của hệ thống truyền thông tới nền chính trị Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, cũng sẽ tạo dựng cho người học tư duy độc lập khi phân tích, đánh giá, phản biện trong nghiên cứu về Hoa Kỳ.

15.63. TIẾNG TRUNG CƠ SỞ I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần giúp sinh viên làm quen với tiếng Trung từ những âm tiết cơ sở, các câu hội thoại đơn giản thông thường; luyện tập và phát triển các kỹ năng như nhận biết mặt chữ Hán tượng hình, nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một đoạn văn đơn giản; có thể lấy thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các bài khóa, đoạn văn có bố cục rõ ràng... Ngôn ngữ của văn bản chủ yếu là cụ thể và sát với thực tế. Chủ đề của đoạn văn là các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày. Sinh viên được luyện nghe các câu ngắn, các đoạn hội thoại với độ dài khác nhau, có thể nhận biết ngữ cảnh của cuộc trò chuyện xuất hiện trong đoạn băng, nội dung chính và các cách nói khác nhau trong từng trường hợp cụ thể. Băng nghe có nội dung từ đơn giản đến khó dần, tốc độ từ chậm đến nhanh dần.

15.64. TIẾNG TRUNG CƠ SỞ II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung cơ sở I**

Học phần giúp sinh viên tiếp tục luyện tập và phát triển các kỹ năng như: nghe lấy ý chính, xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói về các chủ đề hàng ngày quen thuộc... Tốc độ lời nói chậm đến trung bình; có thể hiểu khá nhiều từ ngữ thông thường và một số thành ngữ; có thể hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng, về các kinh nghiệm và kiến thức chung; nắm được ý chính những đoạn thảo luận không quá dài; có thể hiểu các tập hợp chỉ dẫn/

hướng dẫn ngắn, các thông tin kỹ thuật từ đơn giản đến trung bình, hiểu các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân hoặc các chủ đề quen thuộc.

15.65. TIẾNG TRUNG CƠ SỞ III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung cơ sở II**

Học phần giúp sinh viên tiếp tục luyện tập và phát triển các kỹ năng như: nghe lấy ý chính, xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói về các chủ đề hàng ngày quen thuộc... Học phần thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết giúp sinh viên củng cố, trang bị các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp (trung cấp) và những câu giao tiếp trong các tình huống hay gặp. Hoàn thiện hệ thống kiến thức tiếng Trung Quốc trung cấp dùng trong sinh hoạt hàng ngày; Giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp khó và đặc biệt; Sinh viên đọc hiểu những kiến thức văn hoá được giới thiệu trong giáo trình; có khả năng viết các đoạn văn (khoảng 500 chữ) theo chủ đề nghị luận đã học hoặc các chủ đề đời sống sinh hoạt hàng ngày; có khả năng mô phỏng bài khóa, trình bày quan điểm về các vấn đề gần gũi với cuộc sống để giao tiếp xã hội. Sinh viên có trình độ tương đương chuẩn quốc tế HSK mới cấp 4 (trình độ trung cấp).

15.66. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung cơ sở III**

Học phần *Tiếng Trung Ngoại giao I* gồm 2 kỹ năng: đọc hiểu tin tức và nghe tin tức.

Học phần phát triển các kỹ năng nghe tin tức và đọc hiểu tin tức, cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo với chủ đề thăm hỏi, hội đàm, hội nghị, chính trị, kinh tế, thống kê, giao thông từ các tạp chí quốc tế (The People's Daily, Xinhua News Agency) và nghe các đoạn tin tức thời sự với tốc độ tương đối chậm. Qua đó, hình thành phương pháp tìm tài liệu, đọc hiểu các vấn đề quốc tế. Sinh viên bước đầu được tiếp cận với các nguyên tắc cơ bản của việc chuyển dịch thông tin từ tiếng Trung sang tiếng Việt cũng như từ tiếng Việt sang tiếng Trung.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được cung cấp từ vựng, kiến thức và

kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, vận dụng được khối từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao để bước đầu đưa ra ý kiến đánh giá, quan điểm của bản thân mình về các vấn đề đã học, tóm tắt (đơn giản) thông tin về các vấn đề xã hội. Sinh viên có thể nghe hiểu nội dung của các bản tin ở tốc độ chậm sau đó trả lời các câu hỏi liên quan. Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về các vấn đề chính trị, xã hội của Trung Quốc, tích cực tìm các điểm tương đồng và khác biệt giữa nền chính trị, xã hội của Trung Quốc và Việt Nam.

15.67. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung Ngoại giao I**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về các chính sách ngoại giao song phương và đa phương của Trung Quốc; tiếp tục giúp sinh viên phát triển và đào sâu các kỹ năng đọc hiểu, bước đầu làm quen với dịch các bài phân tích, các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó. Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe, đọc, viết, nói trong các lĩnh vực trên.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được cung cấp từ vựng, kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, vận dụng được khối từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao để bước đầu đưa ra ý kiến đánh giá, quan điểm của bản thân mình về các vấn đề đã học, tóm tắt (đơn giản) thông tin về các vấn đề xã hội. Sinh viên có thể nghe hiểu nội dung của các bản tin ở tốc độ chậm sau đó trả lời các câu hỏi liên quan. Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về các vấn đề chính trị, xã hội của Trung Quốc, tích cực tìm các điểm tương đồng và khác biệt giữa nền chính trị, xã hội của Trung Quốc và Việt Nam.

15.68. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung Ngoại giao II**

Học phần *Tiếng Trung Ngoại giao III* gồm 3 kỹ năng: Dịch Trung - Việt, dịch Việt - Trung và nghe hiểu tin tức.

Sinh viên được giới thiệu các kỹ năng cơ bản về biên dịch. Nội dung các bài được chia thành hai mảng chủ điểm chính là: Các vấn đề trong nước, khu vực và

quốc tế; Quan hệ đối ngoại và hợp tác Quốc tế. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó. Học phần giúp sinh viên luyện tập và phát triển các kỹ năng như: nghe hiểu tin tức, lấy ý chính và xác định nội dung bản tin ở tốc độ nhanh, dịch viết các bản tin với tốc độ nhanh, trình độ cao.... Sinh viên có thể ghi chép tương đối đầy đủ nội dung chính trong khi nghe; có thể hiểu các vấn đề chuyên ngành toàn diện hơn.

15.69. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO IV

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung Ngoại giao III**

Học phần *Tiếng Trung Ngoại giao IV* gồm 3 kỹ năng: Dịch Trung - Việt, dịch Việt - Trung và nghe hiểu tin tức.

Sinh viên tiếp tục được giới thiệu các kỹ năng về biên dịch. Nội dung các bài được chia thành hai mảng chủ điểm chính là: Các vấn đề trong nước, khu vực và quốc tế; Quan hệ đối ngoại và hợp tác Quốc tế. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó. Học phần giúp sinh viên luyện tập, phát triển và hoàn thiện các kỹ năng như: nghe hiểu tin tức, lấy ý chính và xác định nội dung bản tin ở tốc độ nhanh, dịch viết các bản tin với tốc độ nhanh, trình độ cao.... Sinh viên hiểu và có phương pháp ghi chép tương đối đầy đủ nội dung chính trong khi nghe; có thể hiểu các vấn đề chuyên ngành toàn diện hơn.

15.70. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO V

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung Ngoại giao IV**

Học phần *Tiếng Trung Ngoại giao V* gồm 3 kỹ năng: Dịch Trung - Việt, dịch Việt - Trung và phiên dịch đối ngoại.

Song song với việc phát triển kỹ năng biên dịch, sinh viên được giới thiệu các kỹ năng cơ bản về phiên dịch. Nội dung các bài được chia thành hai mảng chủ điểm chính là: Các vấn đề trong nước, khu vực và quốc tế; Quan hệ đối ngoại và hợp tác

quốc tế. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó.

15.71. TIẾNG TRUNG NGOẠI GIAO VI

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung Ngoại giao V**

Học phần *Tiếng Trung Ngoại giao VI* gồm 3 kỹ năng: Dịch Trung - Việt, dịch Việt - Trung và phiên dịch đối ngoại.

Song song với việc phát triển kỹ năng biên dịch, sinh viên được làm quen với các kỹ năng cơ bản về phiên dịch. Nội dung các bài được chia thành hai mảng chủ điểm chính là: Các vấn đề trong nước, khu vực và quốc tế; Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó.

15.72. TIẾNG NHẬT CƠ SỞ I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng cơ bản, là cơ sở để sinh viên phát triển các kỹ năng thực hành tiếng nghe, nói, đọc, viết ở giai đoạn đầu của Bậc 1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam. Học phần trang bị cho người học khả năng sử dụng tiếng Nhật để giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ. Đồng thời qua hoạt động học tập, người học phát triển các phẩm chất cần thiết như: khả năng tự học và trao đổi thông tin với người khác, khả năng làm việc nhóm, khả năng trình bày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể đọc viết tiếng Nhật và giao tiếp ở mức độ cơ bản nhất trong một số tình huống hàng ngày. Thêm vào đó, người học được tiếp cận những thông tin khái quát về lịch sử, văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản.

15.73. TIẾNG NHẬT CƠ SỞ II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật cơ sở I**

Học phần Tiếng Nhật cơ sở II tiếp nối học phần Tiếng Nhật cơ sở I là cơ sở để sinh viên nâng cao hiểu biết về ngôn ngữ Nhật Bản, phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phục vụ giao tiếp cơ bản trong các tình huống thường ngày. Sinh viên bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Nhật Bản một cách tương đối độc lập, có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại đơn giản trong đời sống thường nhật. .

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Nhật để giao tiếp trong các tình huống thường ngày ở mức độ cơ bản nhất. Học phần này nhấn mạnh vào kỹ năng nghe nói, sinh viên có thể sử dụng tiếng Nhật cho những nhu cầu cơ bản mang tính thiết yếu trong cuộc sống. Học phần giúp sinh viên yêu thích tiếng Nhật và đất nước Nhật Bản, hình thành niềm ham mê tìm hiểu về văn hoá Nhật Bản.

15.74. TIẾNG NHẬT CƠ SỞ III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật cơ sở II**

Học phần tiếp tục giúp người học phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong các bối cảnh ngôn ngữ đa dạng. Học phần đòi hỏi sinh viên có trình độ tiếng Nhật trung bình, bao gồm những cuộc thảo luận có tính chuyên ngành hỗ trợ cho học phần của người sử dụng ngôn ngữ, có thể hiểu những đoạn lời nói dài, có các ý tưởng trừu tượng hoặc cách lập luận phức tạp, có thể theo dõi được các điểm chính của bài giảng, bài nói chuyện chuyên đề hoặc báo cáo cũng như các phương thức trình bày trong lĩnh vực học thuật, chuyên môn nói chung.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Nhật để giao tiếp thành thạo và diễn đạt tốt ý tưởng, cảm xúc và ý kiến của mình. Học phần đồng thời tăng cường kỹ năng đọc - viết nhằm thúc đẩy sinh viên phát triển khả năng suy luận và giải thích ở mức độ trung bình, phục vụ cho quá trình học tập chuyên ngành.

15.75. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật cơ sở III**

Học phần tiếp tục giúp người học phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong các bối cảnh ngôn ngữ đa dạng, có tính chuyên môn. Học phần đòi hỏi sinh viên có trình độ tiếng Nhật trung bình - khá, bao gồm những cuộc thảo luận chuyên

ngành hỗ trợ cho học phần của người sử dụng ngôn ngữ, có thể hiểu những đoạn lời nói khá dài, có các ý tưởng trừu tượng hoặc cách lập luận phức tạp, có thể theo dõi được các điểm chính của bài giảng, bài nói chuyện chuyên đề hoặc báo cáo cũng như các phương thức trình bày trong lĩnh vực học thuật, chuyên môn nói chung.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Nhật thành thạo hơn trong các kỹ năng thuyết trình, thảo luận và tranh biện. Học phần đồng thời tăng cường kỹ năng đọc cấp độ cao hơn như đọc lướt, đọc tỉ mỉ và kỹ năng viết như viết lại ý của tác giả, nhằm thúc đẩy sinh viên phát triển khả năng suy luận và giải thích ở mức độ trung bình - khá, phục vụ cho quá trình học tập chuyên ngành.

15.76. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật Ngoại giao I**

Học phần cung cấp kiến thức trung cấp N3 làm nền tảng cho các học phần sau. Nội dung sẽ bao gồm các bài giảng trong giáo trình Try! N3. Các bài giảng sẽ chú trọng dạy ngữ pháp và từ mới cấp độ N3 thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình. Ngoài ra sinh viên sẽ được luyện cách đọc và viết chữ Kanji ở cấp độ N3.

Học phần tiếng Nhật ngoại giao II gồm 3 kỹ năng: Nghe, nói, và đọc. Về kỹ năng nghe, học phần giúp sinh viên hiểu tốt các nội dung chính của các đoạn tin chậm từ các kênh truyền thanh quốc tế như Nippon Hōsō Kyōkai (NHK), Fuji, TBS... từ đó nâng cao vốn từ vựng kiến thức chuyên ngành Châu Á – Thái Bình Dương, theo dõi nắm được tình hình thời sự quốc tế, kịp thời cập nhật tin tức theo dòng sự kiện. Về kỹ năng nói, học phần này kết hợp các kỹ năng thuyết trình đọc, thảo luận và tóm tắt nhằm rèn luyện sinh viên khả năng trình bày quan điểm bằng tiếng Nhật. Về kỹ năng đọc hiểu, học phần tập trung vào việc đọc và phân tích các bài báo về chủ đề Quan hệ Quốc tế từ các tờ báo lớn, có tên tuổi ở Nhật Bản.

15.77. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật Ngoại giao II**

Học phần củng cố kiến thức từ trung cấp N3 và cao cấp N2 làm nền tảng cho các học phần sau. Nội dung sẽ bao gồm các bài giảng trong giáo trình Chuukyuu kara Manabu để ôn thi N3 và bắt đầu làm quen với trình độ cao cấp N2. Các bài

giảng sẽ chú trọng dạy ngữ pháp và từ mới cấp độ N3 đến N2 thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình. Ngoài ra sinh viên sẽ được học đọc viết chữ Kanji ở cấp độ N2 và luyện nghe hiểu ở giáo trình Shinkanzen Master Choukai N3.

Học phần tập trung vào việc đọc và phân tích các bài báo về chủ đề Quan hệ Quốc tế từ các tờ báo có tên tuổi ở Nhật Bản như Asahi Shimbun, Mainichi Shimbun, Yomiurri Shimbun... nhằm nâng cao kỹ năng diễn giải từ và cụm từ, nắm bắt chủ điểm, tìm ý chính của bài. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ bình chậm với độ dài khoảng 2- 2,5 phút từ các kênh như Nippon Hōsō Kyōkai (NHK), Fuji, TBS... từ đó nâng cao vốn từ vựng kiến thức ngành Châu Á - Thái Bình Dương học.

15.78. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO IV

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật Ngoại giao III**

Học phần cung cấp kiến thức cao cấp N2 làm nền tảng cho các học phần sau. Nội dung sẽ bao gồm các bài giảng trong giáo trình Try! N2. Các bài giảng sẽ chú trọng dạy ngữ pháp và từ mới cấp độ N2 thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình. Ngoài ra sinh viên sẽ được luyện cách đọc và viết chữ Kanji ở cấp độ N2.

Học phần tiếng Nhật ngoại giao IV tiếp tục trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về quan hệ quốc tế, Châu Á -Thái Bình Dương và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày (bằng văn nói/viết) xung quanh nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ bình thường.

15.79. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO V

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật Ngoại giao IV**

Học phần củng cố kiến thức từ cao cấp N2 và cao cấp N1 làm nền tảng cho học phần sau. Nội dung sẽ bao gồm các bài giảng trong giáo trình Joukyuu kara Manabu để ôn thi N2 và bắt đầu làm quen với trình độ cao cấp N1. Các bài giảng sẽ chú trọng dạy ngữ pháp và từ mới cấp độ N2 đến N1 thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình. Ngoài ra sinh viên sẽ được học đọc viết chữ Kanji ở cấp độ N1 và luyện nghe hiểu ở giáo trình Shinkanzen Master Choukai N2.

Học phần tiếng Nhật ngoại giao V tiếp tục trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về quan hệ quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Học phần cũng bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề thuộc Châu Á - Thái Bình Dương do giảng viên biên soạn về các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế trong thời điểm đó nhằm rèn luyện kỹ năng nói theo các chủ đề chuyên ngành.

15.80. TIẾNG NHẬT NGOẠI GIAO VI

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Nhật Ngoại giao V**

Học phần cung cấp kiến thức cao cấp N1 làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành. Nội dung sẽ bao gồm các bài giảng trong giáo trình Try! N1 để ôn thi N1. Các bài giảng sẽ chú trọng dạy ngữ pháp và từ mới cấp độ N1 thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình. Ngoài ra sinh viên sẽ được học đọc viết chữ Kanji ở cấp độ N1 và luyện nghe hiểu ở giáo trình Shinkanzen Master Choukai N1.

Học phần tiếng Nhật ngoại giao VI tiếp tục trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về quan hệ quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày (bằng văn nói/viết) xung quanh nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ kênh như Nippon Hōsō Kyōkai (NHK), Fuji, TBS... ở tốc độ nhanh.

15.81. TIẾNG HÀN CƠ SỞ I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần là cơ sở để sinh viên bước đầu có khái niệm về ngôn ngữ Hàn Quốc, phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phục vụ giao tiếp cơ bản trong các tình huống thường ngày. Sinh viên bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Hàn Quốc một cách tương đối độc lập, có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại đơn giản trong đời sống thường nhật.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Hàn để giao tiếp trong các tình huống thường ngày ở mức độ cơ bản nhất. Học phần này nhấn mạnh vào kỹ năng nghe nói, sinh viên có thể sử dụng tiếng Hàn cho những nhu cầu cơ

bản mang tính thiết yếu trong cuộc sống. Học phần giúp sinh viên yêu thích tiếng Hàn và đất nước Hàn Quốc, hình thành niềm ham mê tìm hiểu về Hàn Quốc.

15.82. TIẾNG HÀN CƠ SỞ II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn cơ sở I**

Học phần *Tiếng Hàn cơ sở II* tiếp nối học phần *Tiếng Hàn cơ sở I* là cơ sở để sinh viên nâng cao hiểu biết về ngôn ngữ Hàn Quốc, phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phục vụ giao tiếp cơ bản trong các tình huống thường ngày. Sinh viên bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Hàn Quốc một cách tương đối độc lập, có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại đơn giản trong đời sống thường nhật.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Hàn để giao tiếp trong các tình huống thường ngày ở mức độ cơ bản nhất. Học phần này nhấn mạnh vào kỹ năng nghe nói, sinh viên có thể sử dụng tiếng Hàn cho những nhu cầu cơ bản mang tính thiết yếu trong cuộc sống. Học phần giúp sinh viên yêu thích tiếng Hàn và đất nước Hàn Quốc, hình thành niềm ham mê tìm hiểu về Hàn Quốc.

15.83. TIẾNG HÀN CƠ SỞ III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn cơ sở II**

Học phần được xây dựng dành cho sinh viên ở trình độ trung cấp. Học phần giúp sinh viên nâng cao năng lực giao tiếp tổng hợp bằng tiếng Hàn Quốc.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng thành thạo ngữ pháp, cách biểu hiện hay nắm được từ vựng theo chủ đề ở trình độ trung cấp, luyện được các bài tập ứng dụng với các hoạt động đa dạng, hiểu biết được về văn hóa Hàn Quốc cần thiết trong các tình huống giao tiếp. Học phần này nhấn mạnh vào kỹ năng nghe nói, lấy năng lực giao tiếp làm trọng tâm. Sinh viên có thể tiếp cận ngôn ngữ học đối chiếu giữa tiếng Hàn và tiếng Việt, luyện tập các bài tập ứng dụng, tư liệu có tính thực tiễn, tăng cường tính linh hoạt trong thực tế sử dụng, áp dụng tổng hợp bốn kỹ năng giao tiếp, tiếp cận tổng hợp ngôn ngữ và văn hóa. Học phần giúp sinh viên yêu thích tiếng Hàn và đất nước Hàn Quốc, hình thành niềm ham mê tìm hiểu về Hàn Quốc.

15.84. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn cơ sở III**

Học phần *Tiếng Hàn Ngoại giao I* gồm 2 kỹ năng: đọc hiểu tin tức và nghe tin.

Học phần phát triển các kỹ năng nghe tin tức và đọc hiểu tin tức, cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo với chủ đề thăm hỏi, hội đàm, hội nghị, chính trị, kinh tế, thống kê, giao thông từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự với tốc độ tương đối chậm. Qua đó, hình thành phương pháp tìm tài liệu, đọc hiểu các vấn đề quốc tế. Sinh viên bước đầu được tiếp cận với các nguyên tắc cơ bản của việc chuyển dịch thông tin từ tiếng Hàn sang tiếng Việt cũng như từ tiếng Việt sang tiếng Hàn.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được cung cấp từ vựng, kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, vận dụng được khối từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao để bước đầu đưa ra ý kiến đánh giá, quan điểm của bản thân mình về các vấn đề đã học, tóm tắt (đơn giản) thông tin về các vấn đề xã hội. Sinh viên có thể nghe hiểu nội dung của các bản tin ở tốc độ chậm sau đó trả lời các câu hỏi liên quan. Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về các vấn đề chính trị, xã hội của Hàn Quốc, tích cực tìm các điểm tương đồng và khác biệt giữa nền chính trị, xã hội của Hàn Quốc và Việt Nam.

15.85. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn Ngoại giao I**

Học phần này nhằm nâng cao khả năng nắm bắt và sử dụng vốn từ vựng tiếng Hàn cao cấp cho sinh viên ngành Hàn Quốc học với mục tiêu sử dụng trong các hoàn cảnh đòi hỏi sử dụng ngôn ngữ nghi thức trang trọng. Sinh viên đã học qua tiếng Hàn cơ sở có thể học và sử dụng thêm nhiều từ vựng tiếng Hàn mang tính trang trọng. Học phần giúp sinh viên hiểu các đặc điểm của tiếng Hàn, là một ngôn ngữ tổng hợp, và hiểu cách tạo từ sử dụng hậu tố.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng hiểu và diễn đạt ý nghĩa của các từ vựng trang trọng, nghi thức bằng tiếng Hàn, vốn từng sử dụng nhiều từ vay mượn gốc Hán. Bằng cách học các hậu tố thường được sử dụng trong tiếng

Hàn, sinh viên có thể phát triển khả năng suy luận nghĩa của từ vựng thông qua các hậu tố.

Sinh viên còn được mở rộng kiến thức nền tảng từ vựng bằng cách học các từ chủ yếu được sử dụng trong môi trường mà từ xuất hiện. Sinh viên được học cách tạo thành từ bằng cách học nghĩa của các hậu tố trong tiếng Hàn để tìm các gốc phù hợp với các hậu tố. Thông qua thực hành, sinh viên có thể phân biệt và sử dụng các từ được sử dụng trong các tình huống công cộng, chính thống, trang trọng nghi lễ bằng cách học ngữ cảnh mà từ đó được sử dụng cùng với từ bắt nguồn từ hậu tố. Học phần giúp sinh viên yêu thích tiếng Hàn và đất nước Hàn Quốc, hình thành niềm ham mê tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu hơn về Hàn Quốc.

15.86. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn Ngoại giao II**

Học phần *Tiếng Hàn Ngoại giao III* gồm các nội dung thời sự, truyền hình truyền thanh của Hàn Quốc bao quanh 10 chủ đề mang tính thời sự bao gồm Chính trị, Xã hội, Quốc tế, Văn hóa, Khoa học, Giáo dục, Kinh tế, Đời sống, An ninh, Môi trường. Học phần không chỉ giúp sinh viên nâng cao cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết mà thông qua những nội dung thực tế, sinh viên còn có thể hiểu sâu sắc về xã hội và văn hóa cũng như quan điểm và suy nghĩ của người Hàn Quốc. Đặc biệt, tất cả tài liệu sử dụng trong học phần này đều là các nội dung có thực nên sinh viên có thể phát triển đồng đều các kỹ năng thực hành tiếng thông qua các nội dung đa dạng và chuyên sâu.

Bài khóa được thể hiện theo hình thức bài nghe hoặc bài đọc. Nội dung được thể hiện qua nhiều cách thức đa dạng như thuyết trình, tin tức, phỏng vấn, thảo luận, tọa đàm, góc bình luận, xã luận...

15.87. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO IV

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn Ngoại giao III**

Học phần *Tiếng Hàn Ngoại giao IV* gồm 3 kỹ năng: Dịch Hàn - Việt, dịch Việt - Hàn và nghe hiểu tin tức mang tính thời sự nâng cao hơn.

Sinh viên tiếp tục được giới thiệu các kỹ năng về biên dịch. Nội dung các bài

được chia thành hai mảng chủ điểm chính là: Các vấn đề trong nước, khu vực và quốc tế; Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Hàn Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó. Đồng thời tiếp tục phát triển sự hiểu biết về xã hội - văn hoá Hàn Quốc. Học phần giúp sinh viên luyện tập, phát triển và hoàn thiện các kỹ năng như: nghe hiểu tin tức, lấy ý chính và xác định nội dung bản tin ở tốc độ nhanh, dịch viết các bản tin với tốc độ nhanh, trình độ cao.... Sinh viên hiểu và có phương pháp ghi chép tương đối đầy đủ nội dung chính trong khi nghe; có thể hiểu các vấn đề chuyên ngành toàn diện hơn.

15.88. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO V

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn Ngoại giao IV**

Học phần *Tiếng Hàn Ngoại giao V* gồm 3 kỹ năng: Dịch Hàn - Việt, dịch Việt - Hàn và phiên dịch đối ngoại, tập trung vào các chủ đề mang tính thời sự và chính trị.

Song song với việc phát triển kỹ năng biên dịch, sinh viên được giới thiệu các kỹ năng cơ bản về phiên dịch. Nội dung các bài được chia thành hai mảng chủ điểm chính là: Các vấn đề trong nước, khu vực và quốc tế; Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Hàn Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó.

15.89. TIẾNG HÀN NGOẠI GIAO VI

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Hàn Ngoại giao V**

Học phần *Tiếng Hàn Ngoại giao VI* gồm 3 kỹ năng: Dịch Hàn - Việt, dịch Việt - Hàn và phiên dịch đối ngoại.

Song song với việc phát triển kỹ năng biên dịch, sinh viên được làm quen với các kỹ năng cơ bản về phiên dịch. Nội dung các bài được chia thành hai mảng chủ điểm chính là: Các vấn đề trong nước, khu vực và quốc tế; Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Hàn Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên

thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó. Đồng thời sinh viên sẽ rèn luyện được hiểu biết và phản xạ dịch nhanh về những chủ đề thường nhật trong văn hoá - xã hội Hàn Quốc.

15.90. TIẾNG ANH CƠ SỞ I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần là cơ sở để sinh viên bước đầu có khái niệm về ngôn ngữ Anh, phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phục vụ giao tiếp và trao đổi trong các tình huống đa dạng. Sinh viên rèn luyện khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh một cách độc lập, có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại đơn giản trong đời sống thường nhật.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp thành thạo trong các tình huống thường ngày ở mức độ cơ bản nhất. Học phần này nhấn mạnh vào kỹ năng nghe nói, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh cho những nhu cầu cơ bản mang tính thiết yếu trong cuộc sống. Học phần giúp sinh viên yêu thích tiếng Anh và đất nước Hoa Kỳ, hình thành niềm ham mê tìm hiểu về văn hoá nói tiếng Anh.

15.91. TIẾNG ANH CƠ SỞ II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I**

Học phần tiếp tục giúp người học phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các bối cảnh ngôn ngữ đa dạng. Học phần đòi hỏi sinh viên có trình độ tiếng Anh trung bình, bao gồm những cuộc thảo luận có tính chuyên ngành hỗ trợ cho học phần của người sử dụng ngôn ngữ, có thể hiểu những đoạn lời nói dài, có các ý tưởng trừu tượng hoặc cách lập luận phức tạp, có thể theo dõi được các điểm chính của bài giảng, bài nói chuyện chuyên đề hoặc báo cáo cũng như các phương thức trình bày trong lĩnh vực học thuật, chuyên môn nói chung.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp thành thạo và diễn đạt tốt ý tưởng, cảm xúc và ý kiến của mình. Học phần đồng thời tăng cường kỹ năng đọc - viết nhằm thúc đẩy sinh viên phát triển khả năng suy luận và giải thích ở mức độ trung bình, phục vụ cho quá trình học tập chuyên ngành.

15.92. TIẾNG ANH CƠ SỞ III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở II**

Học phần tiếp tục giúp người học phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các bối cảnh ngôn ngữ đa dạng, có tính chuyên môn. Học phần đòi hỏi sinh viên có trình độ tiếng Anh trung bình - khá, bao gồm những cuộc thảo luận chuyên ngành hỗ trợ cho học phần của người sử dụng ngôn ngữ, có thể hiểu những đoạn lời nói khá dài, có các ý tưởng trừu tượng hoặc cách lập luận phức tạp, có thể theo dõi được các điểm chính của bài giảng, bài nói chuyện chuyên đề hoặc báo cáo cũng như các phương thức trình bày trong lĩnh vực học thuật, chuyên môn nói chung.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo hơn trong các kỹ năng thuyết trình, thảo luận và tranh biện. Học phần đồng thời tăng cường kỹ năng đọc cấp độ cao hơn như đọc lướt, đọc tỉ mỉ và kỹ năng viết như viết lại ý của tác giả (paraphrase), nhằm thúc đẩy sinh viên phát triển khả năng suy luận và giải thích ở mức độ trung bình - khá, phục vụ cho quá trình học tập chuyên ngành.

15.93. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO I

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở III**

Học phần *Tiếng Anh Ngoại giao I* gồm 3 kỹ năng: Nghe, nói, và đọc. Về kỹ năng nghe, học phần giúp sinh viên hiểu tốt các nội dung chính của các đoạn tin chậm từ các kênh truyền thanh quốc tế như VOA, BBC, từ đó nâng cao vốn từ vựng kiến thức chuyên ngành Châu Á - Thái Bình Dương, theo dõi nắm được tình hình thời sự quốc tế, kịp thời cập nhật tin tức theo dòng sự kiện. Về kỹ năng nói, học phần này kết hợp các kỹ năng thuyết trình đọc, thảo luận và tóm tắt nhằm rèn luyện sinh viên khả năng trình bày quan điểm bằng tiếng Anh. Về kỹ năng đọc, sinh viên sẽ nâng cao các kỹ năng đọc như đọc lướt, đọc tỉ mỉ, phân tích tiêu đề, xác định ý chính, tư duy và giải thích bằng tiếng Anh. Đồng thời làm quen với văn phong báo chí quốc tế hiện đại.

15.94. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO II

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh Ngoại giao I**

Học phần *Tiếng Anh Ngoại giao II* gồm 3 kỹ năng: Nghe, nói, và đọc. Về kỹ năng nghe, học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Về kỹ năng đọc hiểu, học phần tập trung vào việc đọc và phân tích các bài báo về chủ đề Quan hệ Quốc tế từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, the New York Times,... nhằm nâng cao kỹ năng diễn giải từ và cụm từ (Paraphrasing), nắm bắt chủ điểm, tìm ý chính của bài. Về kỹ năng nghe, học phần tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ bình thường (standard) với độ dài khoảng 2- 2,5 phút trên các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới như VOA và BBC và rèn luyện kỹ năng nghe ghi tốc ký, tóm tắt được những thông tin chính của các bản tin tiếng Anh đó. Học phần cũng bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề thuộc Châu Á - Thái Bình Dương do Khoa tiếng Anh biên soạn cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế trong thời điểm đó, nhằm rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh theo các chủ đề chuyên ngành.

15.95. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO III

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh Ngoại giao II**

Học phần *Tiếng Anh Ngoại giao III* tiếp tục trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về quan hệ quốc tế, Châu Á -Thái Bình Dương và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày (bằng văn nói/viết) xung quanh nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ nhanh. Kết thúc học phần, sinh viên cần thành thạo các kỹ năng đã được trang bị từ học phần trước và nắm bắt thêm các kỹ năng mới như sau: đọc để rút ra được ý chính cho cả bài, suy luận để tìm ra được những nội dung liên quan được trình bày trong bài báo, nghe để rút ra được ý chính cho cả đoạn tin, kỹ năng tóm tắt đoạn tin.

15.96. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO IV

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh Ngoại giao III**

Học phần *Tiếng Anh Ngoại giao IV* tiếp tục trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về quan hệ quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Học phần cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận trình độ nâng cao khi đọc các bài báo về chủ đề Quan hệ quốc tế từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The New York Times, v.v. kết hợp với các giờ thảo luận và phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế. Qua đó sinh viên trau dồi được phương pháp tìm hiểu và phân tích tài liệu về tình hình và các vấn đề quốc tế, cũng như nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. Nội dung các bài được dựa vào các chủ điểm chính của ngành Hoa Kỳ học nói riêng và Châu Á - Thái Bình Dương nói chung.

15.97. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO V

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh Ngoại giao IV**

Học phần *Tiếng Anh Ngoại giao V* tiếp tục trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về quan hệ quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực, đồng thời giới thiệu cho sinh viên kỹ năng biên dịch. Ở giai đoạn này, sinh viên đã sử dụng nhuần nhuyễn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và bắt đầu dịch các văn bản ngắn. Mỗi bài học đều theo một chủ đề nhất định và chú trọng vào phát triển một số kỹ năng cơ bản cho sinh viên. Qua đó sinh viên trau dồi được phương pháp tìm hiểu và phân tích tài liệu về tình hình và các vấn đề quốc tế, cũng như nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ sử dụng trong môi trường ngoại giao hay liên quan đến các chủ đề chuyên môn cao. Nội dung các bài được dựa vào các chủ điểm chính của ngành Hoa Kỳ học nói riêng và Châu Á - Thái Bình Dương nói chung.

15.98. TIẾNG ANH NGOẠI GIAO VI

- Số tín chỉ: **04**

- Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh Ngoại giao V**

Học phần *Tiếng Anh Ngoại giao VI* trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về quan hệ quốc tế, Châu Á - Thái Bình Dương và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng biên dịch ở mức độ cao cấp (Advanced). Ở giai đoạn này, sinh viên đã sở hữu thành thục các kỹ năng nghe, nói,

đọc, viết trong những hoàn cảnh đa dạng, dịch các bài viết có tính chuyên môn với độ dài 350 - 500 từ. Mỗi bài học đều theo một chủ đề nhất định và chú trọng vào phát triển những kỹ năng kết hợp của ngôn ngữ Anh cho sinh viên. Qua đó sinh viên trau dồi được phương pháp tìm hiểu và phân tích tài liệu về tình hình và các vấn đề quốc tế, cũng như nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ sử dụng trong môi trường ngoại giao hay liên quan đến các chủ đề chuyên môn cao. Nội dung các bài được dựa vào các chủ điểm chính của ngành Hoa Kỳ học nói riêng và Châu Á - Thái Bình Dương nói chung.

15.99. ĐÀM PHÁN QUỐC TẾ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Đàm phán quốc tế* cung cấp cho sinh viên kỹ năng đàm phán, giao tiếp cũng như rèn luyện cách lắng nghe, nhận biết, xử lý tình huống trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thông qua nội dung mỗi bài học, sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về lĩnh vực này, bao gồm các thuật ngữ, điều kiện thương mại, nghiệp vụ, quy trình, một số thông lệ thực tế, từ đó nắm rõ hơn cách triển khai các hoạt động thương mại quốc tế trong thực tiễn. Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn tìm hiểu cách viết thư tín thương mại, đọc hiểu tin tức kinh tế thương mại nổi bật hiện nay. Học phần hướng tới việc giúp sinh viên hiểu được hành vi của các bên tham gia trong thương mại quốc tế, sự đồng nhất và khác biệt trong nghiệp vụ thương mại quốc tế giữa Việt Nam và thế giới bên ngoài, từ đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng đàm phán được học để ứng dụng thực tiễn cho công việc sau khi ra trường.

Về mặt kỹ năng, sinh viên khi kết thúc học phần sẽ được tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy và mở rộng kiến thức; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lắng nghe và phân tích, giải quyết vấn đề; tư duy phản biện khi xử lý một tình huống thương mại cụ thể; có khả năng diễn đạt thông tin mạch lạc, hiệu quả, đạt được mục đích của đàm phán; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán xu hướng hành vi của các bên tham gia đàm phán; có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình trước đám đông.

15.100. KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này rèn luyện và phát triển tư duy phản biện trong các học phần đặc biệt là khi viết các bài tự luận, tiểu luận, báo cáo, nghiên cứu hay tham gia các buổi hội thảo, thảo luận,...

Sau khi hoàn hành học phần, sinh viên có thể rèn luyện suy nghĩ một cách rõ ràng và hợp lý; có khả năng nhận ra sự liên quan và kết nối logic giữa những ý tưởng; xác định, xây dựng và đánh giá các lập luận; phát hiện các mâu thuẫn và sai lầm phổ biến trong lập luận; giải quyết vấn đề một cách hệ thống.

15.101. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức sở ngành**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về quy trình thực hiện một bài trình bày (thuyết trình) trước một nhóm khán giả/người nghe. Kiến thức và nội dung của học phần bao gồm tìm và tổng hợp thông tin, phác thảo đề cương (chuẩn bị trước khi thuyết trình), giới thiệu cấu trúc một bài thuyết trình (giới thiệu/phần mở đầu bài thuyết trình, nội dung chính bài thuyết trình, xử lý kết thúc một bài thuyết trình), sử dụng giáo cụ trực quan (ảnh, video). Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có thể thực hiện một bài thuyết trình rõ ràng và mạch lạc trước khán giả.

15.102. KỸ NĂNG PHÂN TÍCH SỰ KIỆN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Hoàn thành kiến thức sở ngành**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất của các sự kiện trong đời sống quốc tế đương đại: nguồn gốc, nguyên nhân, đặc điểm. Thông qua hệ thống bài tập thực hành (viết hoặc làm băng hình), học phần giúp sinh viên hình thành những kỹ năng phân tích sự kiện cơ bản. Đồng thời, học phần giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nắm vững những kiến thức

cơ bản về bản chất của các sự kiện trong đời sống quốc tế đương đại, có kiến thức toàn diện về: nguồn gốc, nguyên nhân, đặc điểm của các sự kiện quốc tế, giúp sinh viên phát hiện những vấn đề nghiên cứu, có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể; có kỹ năng chọn lọc thông tin và xử lý dữ liệu liên quan đến một vấn đề quốc tế, bước đầu có kỹ năng dự đoán về một vấn đề, sự kiện trong hệ thống quốc tế, nâng cao kỹ năng thuyết trình. Sinh viên có độ nhạy bén, khách quan về một vấn đề quốc tế, có ý thức trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, có tinh thần chủ động, độc lập trong nghiên cứu và tác chiến.

15.103. KỸ NĂNG GIAO TIẾP LIÊN VĂN HOÁ

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần *Kỹ năng Giao tiếp liên văn hoá* cung cấp cho người học đối tượng, nhiệm vụ, những khái niệm cơ bản và các kiến thức liên quan đến giao tiếp liên văn hoá, những yếu tố văn hoá thể hiện trong ngoại ngữ, các nguyên tắc và chuẩn mực giao tiếp trong môi trường giao tiếp đa văn hóa. Đồng thời giới thiệu và phân tích một số tình huống xử lý trong giao tiếp liên văn hoá thực tế, từ đó giúp người học không ngừng trau dồi nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hoá.

15.104. KỸ NĂNG QUẢN LÝ DỰ ÁN

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Mục đích của môn học là cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản lý dự án và ứng dụng của nó vào thực tế. Sinh viên có được kiến thức về quản lý dự án và khả năng giải quyết các vấn đề của mình trong quản lý dự án ở mọi quy mô. Sinh viên sẽ được hướng dẫn đọc tài liệu gồm các chủ đề liên quan đến quản lý dự án; và việc thực hiện các dự án mô hình là bắt buộc trong mỗi khóa học.

15.105. KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP

- Số tín chỉ: **03**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

Mục đích của môn học là cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, định hướng phát triển nghề nghiệp và ứng dụng vào thực tế. Sinh viên sẽ tiếp thu những kiến thức về phát triển nghề nghiệp và khả năng đạt được sự phát triển nghề

ng nghiệp của chính mình. Sinh viên được hướng dẫn đọc tài liệu gồm các chủ đề liên quan đến phát triển nghề nghiệp; và thực hiện các dự án mô hình là bắt buộc trong mỗi khóa học.